



TUYÊN NGÔN CỦA ADAM SMITH VỀ CUỘC CÁCH MẠNG KINH TẾ NĂM 1776

Nguồn: Mark Skousen (2007). “Adam Smith Declares an Economic Revolution in 1776” (Chapter 1), in Mark Skousen, *The Big Three in Economics: Adam Smith, Karl Marx, And John Maynard Keynes* (New York: M.E.Sharpe), pp. 3-45.

Biên dịch & Hiệu đính: Nguyễn Hoàng Hà

Adam Smith là một nhà cách mạng và cấp tiến trong thời đại của ông – giống như những người truyền bá lý thuyết tự do kinh tế trong thời đại của chúng ta.

–Milton Friedman (1978, 7)

Lịch sử kinh tế học hiện đại được bắt đầu từ năm 1776. Trước thời điểm này, 6.000 năm lịch sử đã trôi qua mà không lưu lại bất kỳ một tác phẩm xuất bản nào có ảnh hưởng mạnh mẽ cho hậu thế về một chủ đề đã từng chi phối mỗi phút giây trong cuộc sống của con người hàng ngày kể từ lúc bắt đầu thức giấc.

Trong nhiều thiên niên kỷ đã qua, từ thời đại La Mã xuyên qua Đêm dài Trung cổ đến thời kỳ Phục Hưng, loài người luôn phải nhọc nhằn vật lộn mưu sinh để chỉ có được một cuộc sống tằn tiện. Họ luôn thường trực phải đấu tranh với nạn chết yểu, bệnh tật, nạn đói, chiến tranh và mức tiền công ít ỏi. Chỉ có một số ít may mắn – chủ yếu là những kẻ cai trị và tầng lớp quý tộc – mới được hưởng cuộc sống an nhàn, và ngay cả họ cũng chưa đủ tiêu chuẩn nếu so với mức sống hiện đại. Đối với một người bình thường, có quá ít sự thay đổi qua nhiều thế kỷ. Tiền công thực tế theo đầu người đã hầu như không thay đổi năm này qua năm khác, thập kỷ này qua thập kỷ khác. Trong thời kỳ này, tuổi thọ trung bình chỉ khoảng 40, và nhà văn người Anh Thomas Hobbes đã có lý khi gọi đó là kiếp sống “cô độc, nghèo đói, bẩn thỉu, dằn độn và ngắn ngủi” của con người (1996 [1651], 84).

Năm Tiên tri 1776

Rồi năm 1776 đã đến và lần đầu tiên, sự hy vọng cùng những điều mong đợi của những người lao động nói chung được tăng lên gấp bội. Đó là thời kỳ mà được biết đến với tên gọi *Enlightenment*, là thời kỳ mà người Pháp gọi là Khai sáng (*l'age des lumieres*). Lần đầu tiên trong lịch sử, người lao động đã mong muốn có được một mức tối thiểu cơ bản về thực phẩm, nhà ở và quần áo. Ngay cả trà, một loại đồ uống trước đây được coi là xa xỉ, thì nay trở thành thứ đồ uống thông thường.

Sự ra đời bản *Tuyên ngôn Độc lập* của Hoa Kỳ vào ngày mùng 4 tháng 7 là một trong số vài sự kiện trọng đại của năm 1776. Chịu ảnh hưởng của John Locke, Thomas Jefferson đã tuyên bố “sống, tự do và mưu cầu hạnh phúc” là những quyền bất khả xâm phạm để từ đó xây dựng nên một khung khổ pháp lý cho một quốc gia đang còn đang vật lộn với khó khăn và rồi cuối cùng đã trở thành một nền kinh tế lớn nhất thế giới và đưa ra một nền tảng hiến pháp cho tự do được nhiều người coi là hình mẫu trên toàn thế giới.

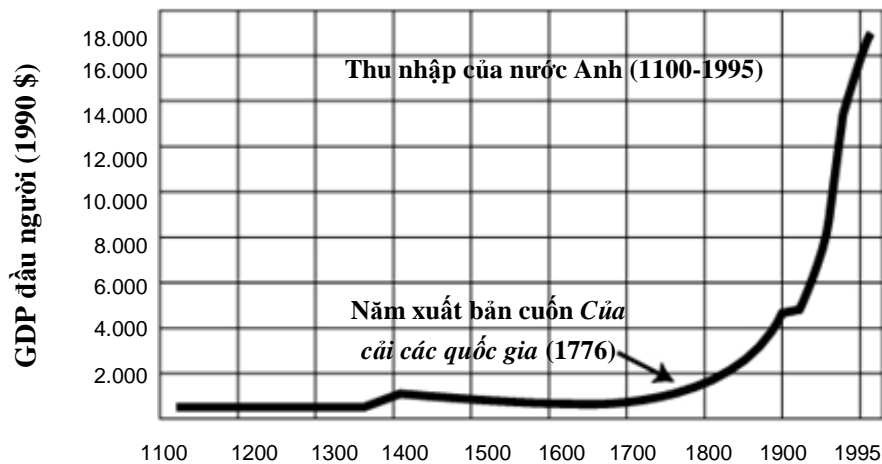
Một cuốn sách vĩ đại được xuất bản

Bốn tháng trước đó, một tác phẩm bất hủ tương tự cũng đã được ra đời ở bên kia bờ Đại Tây Dương tại nước Anh. Vào ngày mùng 9 tháng 3 năm 1776, các nhà in ở London là William Strahan và Thomas Cadell đã xuất bản tác phẩm dày 1000 trang trong 2 tập có tựa đề *Tìm hiểu bản chất và nguồn gốc của cải của các quốc gia* (*An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations*). Đó là một cuốn sách dày có tiêu đề dài, có ảnh hưởng định mệnh đến sự phát triển của toàn cầu. Tác giả của nó là Tiến sỹ Adam Smith - một vị giáo sư ít nói, đấng trí và dạy môn “triết học đạo đức” tại Đại học Glasgow.

Của cải của các quốc gia là tiêu đề viết gọn phổ biến trên thế giới. Adam Smith, một nhà lãnh đạo của trường phái Khai sáng Scotland, đã dựng nên một công thức chung cho sự thịnh vượng và nền độc lập tài chính mà trong dòng chảy diễn biến của thế kỷ tiếp theo, đã cách mạng hoá cách nghĩ của các công dân và những nhà lãnh đạo về thương mại và kinh tế học thực tiễn. Cuốn sách đã hứa hẹn một thế giới mới – một thế giới với của cải đầy ắp, giàu có vượt ra ngoài việc chỉ biết tích lũy vàng và bạc. Smith đã hứa hẹn về một thế giới mới cho tất cả mọi người – không chỉ cho những người giàu và tầng lớp cai trị mà cho cả những người dân thường. *Của cải của các quốc gia* đã đưa ra công thức giải phóng người lao động khỏi kiếp nô dịch khổ đau trong thế giới của Hobbes. Tóm lại, *Của cải của các quốc gia* là một tuyên ngôn về sự độc lập kinh tế.

Lịch sử nhân loại ghi nhận những thời khắc đánh dấu những bước ngoặt quan trọng. Năm 1776 là một trong những thời khắc như vậy. Trong năm tiên tri này, hai quyền tự do quan trọng đã được tuyên bố – tự do chính trị và tự do kinh doanh – và cả hai đã cùng nhau tạo ra sự chuyển động cho Cách mạng Công nghiệp. Thật không có gì phải bàn cãi khi nhận định rằng nền kinh tế hiện đại đã được bắt đầu không lâu sau năm 1776 (xem hình 1.1).

Hình 1.1. Sự gia tăng thu nhập thực tế đầu người của Vương quốc Anh, 1100-1995



Nguồn: Larry Wimmer, Đại học Brigham Young

Kỷ nguyên Khai sáng và loạt sách rèn vàng của tiến bộ kinh tế

Năm 1776 là một năm quan trọng bởi nhiều lý do khác nữa. Ví dụ, đây là năm mà tập đầu tiên trong tác phẩm kinh điển của Edward Gibbon, *Lịch sử suy yếu và sụp đổ của Đế chế La Mã* (1776-88) được xuất bản. Gibbon là một nhà ủng hộ tích cực cho phong trào Khai sáng thế kỷ 18, hiện thân cho niềm tin vô hạn vào khoa học, lý trí và chủ nghĩa cá nhân kinh tế thế chỗ cho sự cuồng tín tôn giáo, dị đoan và quyền lực quý tộc.

Riêng đối với Smith, năm 1776 còn là một năm quan trọng với các lý do cá nhân. David Hume, người bạn thân nhất của ông qua đời. Hume, nhà văn và nhà triết học, đã có ảnh hưởng lớn đến Adam Smith (xem “Những nhà tư tưởng trước Adam” ở phụ lục của chương này). Cũng giống như Smith, ông là một nhà lãnh đạo của phong trào Khai sáng Scotland và là người ủng hộ cho văn minh hoá thương mại và tự do kinh tế.

Trong nhiều thế kỷ, mức tiền công thực tế và mức sống đã không được cải thiện, trong khi đó gần một tỷ người đã phải vật lộn với thực tế nghiệt ngã của cuộc sống. Bất ngờ đã xảy đến vào đầu những năm 1800, chỉ vài năm sau Cách mạng Mỹ và *Cửa cải của các quốc gia* được xuất bản, thế giới phương Tây bắt đầu trở nên hưng thịnh hơn bao giờ hết. Máy xe nhiều sợi cùng một lúc, máy dệt vải và đầu máy hơi nước là những phát minh đầu tiên giúp tiết kiệm thời gian và tiền bạc cho công việc kinh doanh của doanh nhân và người dân bình thường. Khi cuộc cách mạng công nghiệp đã bắt đầu diễn ra, tiền lương thực tế bắt đầu tăng và mức sống của người dân, dù nghèo hay giàu, bắt đầu nâng lên đến những tầm cao không thể ngờ. Đó đích thực là Khai sáng, là buổi bình minh của thời kỳ hiện đại và mọi tầng lớp xã hội phải quan tâm chú ý.

Kinh tế học vì con người

Nếu như Washington được coi là cha đẻ của một quốc gia mới, thì Adam Smith là cha đẻ của một môn khoa học mới – khoa học về của cải. Nhà kinh tế học vĩ đại người Anh Alfred Marshall đã gọi kinh tế học là môn khoa học nghiên cứu “công việc kinh doanh bình thường của cuộc sống”. Có lẽ cũng như vậy, Adam Smith có thể đã có một cái tên bình thường. Ông được xếp sau người đàn ông đầu tiên trong Kinh thánh - Adam, với nghĩa là “một trong số nhiều người”, và tên cuối của ông - Smith, có nghĩa là “một người làm việc”. Smith là cái tên phổ biến nhất ở Vương quốc Anh.

Người đàn ông có cái tên bình thường ấy đã viết cuốn sách về phúc lợi của người lao động bình thường. Trong tác phẩm kiệt xuất của mình, ông đã đảm bảo với người đọc rằng mô hình cho thành công kinh tế sẽ tạo ra “vạn vật giàu có đến với cả tầng lớp thấp nhất của xã hội”. (1965 [1776], 11)¹.

Đây không phải là một cuốn sách dành cho giới quý tộc và các vị vua. Thực tế thì Adam Smith không dành nhiều hảo cảm đối với những người được hưởng nhiều đặc quyền đặc lợi trong thương mại. Sự cảm thông của ông được dành cho những người dân bình thường – những người bị bóc lột và lạm dụng hàng thế kỷ qua. Tại thời điểm hiện tại, họ đã được giải phóng thoát khỏi 16 tiếng làm việc một ngày, mức lương ít ỏi và cuộc sống 40 năm ngắn ngủi.

Chương ngại vật đối với Adam Smith

Sau khi dành 12 năm để viết cuốn sách lớn của đời mình, Smith tin rằng mình đã tìm đúng mô hình kinh tế học để tạo ra “vạn vật giàu có”. Ông đã gọi mô hình của mình là “mô hình cổ điển”. Mô hình của Adam Smith đã được truyền cảm hứng từ Issac Newton, người có mô hình về khoa học tự nhiên mà Adam Smith vô cùng ngưỡng mộ là mô hình vạn vật hấp dẫn.

Chương ngại vật lớn nhất của Smith có lẽ là thuyết phục người khác chấp nhận hệ thống của ông, đặc biệt là đối với các nhà lập pháp. Mục đích của ông khi viết cuốn *Của cải của các quốc gia* không chỉ là đơn giản là để giáo dục, mà còn để thuyết phục. Rất ít tiến bộ đã đạt được ở Anh và châu Âu trong nhiều thế kỷ qua bởi vì tồn tại một học thuyết cổ hủ được biết đến là học thuyết Trọng thương. Một trong những mục tiêu của Adam Smith khi viết cuốn *Của cải của các quốc gia* là phá vỡ quan điểm thông thường về nền kinh tế, trong đó những người theo học thuyết Trọng thương kiểm soát các quyền lợi thương mại và quyền lực chính trị hàng ngày, và thay thế nó bằng quan điểm về nguồn gốc thực sự của giàu có và tăng trưởng kinh tế của ông, đưa nước Anh và phần còn lại của thế giới hướng tới “sự cải thiện vĩ đại nhất” về định mệnh đối với con người.

¹ Mọi câu trích từ *Của cải của các quốc gia* trong cuốn sách được xuất bản do Max Lerner giới thiệu. Có một vài cuốn sách khác về *Của cải của các quốc gia*, bao gồm bản chính thức được ấn hành bởi Nhà xuất bản Glassgow, nhưng cuốn sách trên là phổ biến nhất.

Sự hấp dẫn của chủ nghĩa Trọng thương

Tùng tồn tại lâu dài và thành truyền thống ở phương Tây, những nhà Trọng thương (những lái buôn chính trị) đã tin rằng nền kinh tế thế giới là trì trệ và sự giàu có là không đổi, vì vậy một quốc gia muốn phát triển được chỉ có thể dựa trên phí tổn của nước khác. Các nền văn minh từ thời Cổ đại xuyên qua Đêm dài Trung cổ đã dựa trên chế độ nô lệ hoặc các dạng khác của chế độ nông nô. Dưới hệ thống này, sự giàu có dựa trên sự hy sinh của người khác hoặc bằng chế độ người bóc lột người. Bertrand de Jouvenel nhận xét rằng “sự giàu có có được là do chiếm đoạt và bóc lột” (Jouvenel 1999, 10).

Do đó, các quốc gia châu Âu thành lập các chế độ chính phủ độc tài nắm quyền ở mẫu quốc và hỗ trợ các nước thuộc địa bên ngoài, gửi các quan lại và quân đội sang các nước nghèo hơn để chiếm đoạt vàng và hàng hoá quý hiếm khác.

Trong hệ thống trọng thương, bản chất của sự giàu có gắn với tiền, mà ở thời kỳ đó có nghĩa là vàng và bạc. Mục tiêu chính của mọi quốc gia luôn luôn là phải tích lũy vàng và bạc và sử dụng bất kỳ cách thức cần thiết nào để đạt được điều đó. Smith đã nhận xét trong cuốn *Của cải của các quốc gia* (398): “Một công việc lớn mà chúng ta luôn phải thực hiện là kiếm được tiền”.

Làm thế nào để kiếm được nhiều tiền hơn? Thứ nhất, tăng trưởng của các quốc gia dựa trên sự cướp bóc. Các quốc gia như Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã gửi các đặc phái viên đi đến những vùng đất xa xôi để tìm vàng và kiếm được nhiều kim loại quý bằng mọi cách có thể. Không có hành trình thám hiểm hay cuộc chiến tranh ngoại quốc nào là quá tốn kém so với cơn khát những nén vàng lấp lánh. Các quốc gia khác cũng noi gương những kẻ tìm vàng khi thường xuyên áp đặt sự kiểm soát ngoại hối và cấm xuất khẩu vàng và bạc bằng việc đưa những án phạt rất nặng.

Thứ hai, các nhà trọng thương tìm kiếm một cán cân thương mại có lợi, có nghĩa là vàng và bạc phải luôn đầy két của họ. Bằng cách nào? Smith đã nhận xét rằng, “việc khuyến khích xuất khẩu và hạn chế nhập khẩu là hai công cụ tuyệt vời mà hệ thống những người Trọng thương đưa ra để làm giàu cho mọi quốc gia” (607). Smith đã mô tả chi tiết một loạt các loại sưu cao, thuế nặng, hạn ngạch và các quy định với mục đích nhằm hạn chế thương mại. Cuối cùng, chính hệ thống này cũng đã hạn chế sản xuất và một mức sống cao hơn. Chính những sự can thiệp thương mại như vậy đã dẫn đến các cuộc xung đột và chiến tranh một cách tự nhiên giữa các quốc gia.

Smith lên án các rào cản thương mại

Trong một lần công kích trực diện vào hệ thống Trọng thương, nhà tư tưởng Scotland đã lên án mức thuế cao và các rào cản thương mại khác. Ông tuyên bố, những nỗ lực để đạt được

cán cân thương mại có lợi là “ngớ ngẩn” (456). Ông đã nói về “các lợi thế tự nhiên” của một quốc gia so với các quốc gia khác trong sản xuất hàng hoá. Smith nhận xét, “bằng việc lọc kính, các luống đất được bón phân, các bức tường được ủ nóng, loại nho ngon có thể được trồng ở Scotland,” nhưng nếu sản xuất ở Scotland thì chi phí cao gấp 30 lần thay vì nhập khẩu từ Pháp. Ông đặt ra câu hỏi “liệu có một điều luật nào hợp lý khi ngăn cản nhập khẩu rượu từ nước ngoài, đơn giản chỉ để khuyến khích việc làm rượu vang đỏ thắm và rượu vang tía ở Scotland?”

Theo Smith, các chính sách Trọng thương đơn giản chỉ là bản sao của thịnh vượng thực sự. Nó chỉ có lợi đối với các nhà sản xuất và những kẻ độc quyền. Bởi vì nó không đem lại lợi ích cho người tiêu dùng, chủ nghĩa Trọng thương là cản trở tăng trưởng và là sự thiên cận. Ông đã viết, “trong hệ thống Trọng thương, lợi ích của người tiêu dùng hầu như thường xuyên phải hy sinh cho người sản xuất” (625).

Smith biện luận rằng các rào cản thương mại đã làm tê liệt khả năng sản xuất của các quốc gia và do vậy cần phải bị xoá bỏ. Ví dụ, sự mở rộng thương mại giữa Anh và Pháp sẽ cho phép cả hai quốc gia đều có lợi. Smith tuyên bố, “những gì là khôn ngoan trong hành vi của mọi gia đình riêng lẻ lại có thể trở nên hiểm họa một cách nực cười trong một vương quốc vĩ đại” và “nếu ngoại quốc có thể cung cấp cho chúng ta hàng hoá rẻ hơn những gì chúng ta sản xuất ra thì tốt hơn nên mua hàng hoá của họ” (424).

Phát lộ nguồn gốc thực sự của giàu có

Sự tích lũy vàng và bạc có thể lấp đầy túi những người giàu và những kẻ có quyền lực, nhưng những thứ đó liệu có phải là nguồn gốc của cải của toàn bộ quốc gia và các công dân hay không? Đây là câu hỏi quan trọng nhất của Adam Smith. Của cải của các quốc gia không chỉ là con đường cho tự do thương mại mà là quan điểm của thế giới về sự thịnh vượng.

Giáo sư người Scotland đã biện luận mạnh mẽ rằng chìa khoá đem lại “giàu có cho quốc gia” là sản xuất và thương mại chứ không phải là sự tích lũy vàng và bạc một cách nhân tạo bằng sự hao tổn của các quốc gia khác. Ông nói rằng, “của cải của một quốc gia không chỉ là vàng và bạc, mà còn bao gồm đất đai, nhà cửa và những hàng hoá ở nhiều dạng khác nhau có thể tiêu thụ được” (418). Của cải phải được đo lường dựa trên cách mà mọi người được ăn, ở, mặc chứ không phải dựa trên số vàng bạc trong ngân khố. Năm 1763, ông nói “sự giàu có của một quốc gia bao gồm việc cung cấp thực phẩm và tất cả các hàng hoá thiết yếu khác với giá rẻ cùng với các tiện ích của cuộc sống” (1982 [1763], 83).

Smith đã bắt đầu với cuốn *Của cải của các quốc gia* của mình bằng việc thảo luận về của cải. Ông đã đặt câu hỏi, cái gì có thể mang tới “sự cải thiện vĩ đại nhất trong năng lực sản xuất của người lao động?” Một cán cân thương mại có lợi? Hay nhiều vàng, bạc hơn?

Không! Đó chỉ là một siêu kỹ thuật trong quản lý – “sự phân công lao động”. Trong một ví dụ nổi tiếng, Smith đã mô tả chi tiết các công việc của nhà máy đinh ghim, nơi mà người công nhân theo nhiệm vụ phải làm 18 thao tác riêng biệt để tối đa hoá sản lượng (1965 [1776],3-5). Với phương pháp tiếp cận theo công đoạn sản xuất này, sự quản lý kết hợp với sức lao động để sản xuất hàng hoá nhằm thoả mãn người tiêu dùng đã hình thành nền tảng cho một nền kinh tế tăng trưởng và hài hoà. Ở một vài trang sau đó, Smith đã sử dụng một ví dụ khác về sản xuất áo khoác len: “sự hỗ trợ và cùng phối hợp của hàng nghìn” lao động và máy móc khác nhau từ khắp nơi trên thế giới để sản xuất sản phẩm cơ bản này bằng việc sử dụng “người làm công nhật”². (11-12). Hơn nữa, việc mở rộng thị trường thông qua thương mại toàn cầu sẽ có nghĩa là chuyên môn hoá và phân công lao động cũng có thể được mở rộng. Thông qua việc tăng năng suất, tiết kiệm và lao động siêng năng, sản lượng toàn cầu có thể tăng lên. Do vậy, quan trọng trên hết là của cải không phải là có số lượng cố định và các quốc gia có thể giàu lên không phải bằng cách bóc lột các quốc gia khác.

Smith phát hiện ra chìa khoá đối với sự thịnh vượng

Làm thế nào để sản xuất và thương mại được tối đa hoá và từ đó khuyến khích “vạn vật giàu có” cũng như “cải thiện năng lực sản xuất của người lao động”? Adam Smith đã có một câu trả lời rõ ràng: Hãy cho mọi người sự tự do về kinh tế! Thông qua cuốn *Của cải của các quốc gia*, Smith đã ủng hộ nguyên tắc “tự do tự nhiên”, sự tự do được làm những gì mà mình muốn với ít sự can thiệp từ nhà nước. Nó khuyến khích sự dịch chuyển tự do của lao động, vốn, tiền và hàng hoá. Hơn nữa, như Smith đã trình bày, sự tự do kinh tế không chỉ đem lại một cuộc sống vật chất tốt đẹp hơn mà đó còn là quyền cơ bản của con người. Smith cho rằng: “Ngăn cấm mọi người ... khi họ cố gắng làm tất cả những gì mà họ có thể để sản xuất, hay sử dụng vốn và sự siêng năng theo cách mà họ cho là có lợi nhất, là một sự can thiệp thô bạo vào quyền thiêng liêng nhất của con người” (549).

Trong mô hình của Adam Smith về tự do tự nhiên, của cải được tạo ra không phải là một trò chơi có tổng bằng không. Sự xung đột về lợi ích sẽ không còn tồn tại nữa mà thay vào đó là sự hài hoà về lợi ích. Theo Jouvenel, điều này được coi như một sự “đổi mới vĩ đại” đã gây ra sự ngạc nhiên lớn cho những nhà cải cách châu Âu. “Ý tưởng mới vĩ đại này là nó có thể đem lại sự giàu có cho tất cả các thành viên của xã hội, cộng đồng và các cá nhân bằng sự tiến bộ từng bước trong việc tổ chức lao động” (Jouvenel 1999, 102). Sự phát triển này có thể diễn ra rất nhanh chóng và không bị giới hạn.

Đó là một cái gì đó, đã có thể nắm bắt được niềm hy vọng và điều tưởng tượng của không chỉ người lao động ở Anh, mà cho cả người nông dân Pháp, người lao động Đức,

² Đoạn này trong chương đầu tiên cuốn *Của cải của các quốc gia* khá giống học thuyết do Leonard Read đưa ra trong bài luận kinh điển của mình, “Tôi, chiếc bút chì” khi mô tả làm thế nào một sản phẩm đơn giản như cái bút chì tham gia quá trình sản xuất trên toàn cầu (Read 1999 [1958]).

người công nhân Trung Quốc và cả những người nhập cư vào Mỹ, khi Smith đã ủng hộ học thuyết toàn cầu về sự phồn vinh. Sự tự do được làm việc có thể giải phóng tất cả mọi người thoát khỏi các xiềng xích của công việc hàng ngày.

Điều gì đã tạo nên sự tự do kinh tế mới này? Theo Smith, tự do tự nhiên bao gồm quyền được mua hàng hoá từ bất cứ nguồn nào, bao gồm cả các sản phẩm ngoại quốc mà không có những sự giới hạn về thuế hay hạn ngạch nhập khẩu. Nó bao gồm quyền được làm việc ở bất cứ công việc nào mà một người mong muốn và ở bất kỳ nơi nào anh ta thích. Smith đã chỉ trích mạnh mẽ chính sách của châu Âu thế kỷ 18 khi mà người lao động phải có được sự cho phép của chính phủ (thông qua các giấy chứng nhận) để di chuyển từ thị trấn này đến thị trấn nọ, thậm chí trong một địa hạt (1965 [1776], 118-43).

Tự do tự nhiên cũng bao gồm quyền lợi được trả bất kỳ mức lương nào mà thị trường có thể chấp nhận được. Smith đã phản đối gay gắt các nỗ lực của nhà nước trong việc điều chỉnh và tăng mức lương nhân tạo. Ông đã viết “bất kì khi nào luật pháp cố gắng điều chỉnh lương của người lao động thì nó thường được điều chỉnh giảm xuống hơn là điều chỉnh tăng lên” (131). Như mọi công nhân khác, Smith ước muốn có được mức lương cao, nhưng ông nghĩ nó phải đến thông qua sự vận hành tự nhiên của thị trường lao động, chứ không phải là từ các sắc lệnh của chính phủ.

Cuối cùng, tự do tự nhiên bao gồm quyền được tiết kiệm, đầu tư và tích lũy vốn mà không có sự can thiệp của chính phủ. Đây là chìa khoá quan trọng dẫn tới tăng trưởng kinh tế.

Adam Smith đã tán thành những ưu điểm của tiết kiệm, sự đầu tư vốn và sử dụng máy móc thay thế sức lao động như là những thành phần thiết yếu để thúc đẩy nâng cao mức sống (326). Trong chương viết về sự tích lũy vốn (Chương 3, Quyển II) trong cuốn *Của cải của các quốc gia*, bên cạnh sự ổn định trong chính sách của chính phủ, môi trường kinh doanh cạnh tranh và sự quản lý kinh doanh tốt, Smith đã nhấn mạnh rằng tích lũy và tiết kiệm là các chìa khoá dẫn đến tăng trưởng kinh tế.

Tác phẩm kinh điển của Smith nhận được sự hoan nghênh rộng rãi

Sự ủng hộ hùng hồn của Adam Smith về tự do tự nhiên đã thổi bùng lên sự quan tâm của một thế hệ đang lên. Những từ ngữ văn hoa của ông đã thay đổi chiều hướng chính trị, triết pháp chủ thuyết Trọng thương về bảo hộ và áp bức lao động. Nhờ sự xuất hiện tác phẩm của Adam Smith, nhiều phong trào trên thế giới đã diễn ra nhằm đạt được sự tự do thương mại. *Của cải của các quốc gia* là một tài liệu lý tưởng để đánh dấu sự khởi đầu của cuộc Cách mạng công nghiệp và các quyền chính trị của con người.

Kiệt tác của Adam Smith đã nhận được hầu hết sự khen ngợi của thế giới. H.L. Mencken đã nói “không có một cuốn sách tiếng Anh nào có được sự hấp dẫn hơn” (trích

trong Powell 2000, 251). Nhà lịch sử Arnold Toynbee đã khẳng định rằng “*Của cải của các quốc gia* và đầu máy hơi nước đã phá hủy thế giới cũ và xây dựng một thế giới mới” (trích Rashid 1998, 212). Nhà nghiên cứu lịch sử người Anh Henry Thomas Buckle thậm chí đã cường điệu hơn nữa khi tuyên bố rằng, về tác động lâu dài, tập sách của Smith “có thể là cuốn sách quan trọng nhất đã từng được viết ra”, không kể cuốn Kinh thánh (trích trong Rogge 1976, 9) và Paul A. Samuelson đã đặt Smith ở vị trí “đỉnh cao nhất” trong các nhà kinh tế học (Samuelson 1962, 7)³. Ngay cả một số nhà Marxist đôi lúc cũng ca ngợi những luận điểm của Adam Smith.

Cuộc đời của Adam Smith

Adam Smith là ai và làm thế nào ông lại viết được một tác phẩm mang tính cách mạng về kinh tế học hiện đại như vậy?

Các cảng biển và thương mại là những phần không thể tách rời trong cuộc đời của Adam Smith. Được sinh ra ở Kirkcaldy, trên bờ biển phía Đông Scotland gần Edinburg, vào tháng 6 năm 1723, ngay khi chào đời Smith đã có một bất hạnh lớn do cha ông qua đời cùng năm đó. Dường như Adam Smith sinh ra là định mệnh trở thành một học giả về thương mại và nhân viên hải quan. Cha ông, cũng tên là Adam Smith, là một nhân viên kiểm soát hải quan tại Kirkcaldy. Người cha đỡ đầu của ông, cũng có tên là Adam Smith, là một nhân viên thu thuế hải quan ở cùng thị trấn, và một người anh em họ của ông cũng là một thanh tra hải quan ở Alloa. Hãy thử tưởng tượng xem, tên của người anh em họ của ông cũng có tên là Adam Smith.

Nghề nghiệp cuối cùng của Adam Smith của chúng ta (người nổi tiếng) thật không ngạc nhiên lại là uỷ viên hội đồng hải quan của Scotland. Nhưng chúng ta mới đang ở phần đầu của câu chuyện. Trong những ngày đầu còn ở Kirkcaldy, Adam được biết đến như là một đứa trẻ có số phận mỏng manh. Lúc bốn tuổi, ông đã bị những người di-gan bắt cóc nhưng sớm được trả lại cho mẹ của mình. “Ông có lẽ đã biến thành một người di-gan nghèo khổ”, John Rae đã bình luận như vậy (1895, 5). Tình cảm của ông luôn hướng về mẹ của mình, người mà ông vô cùng yêu dấu.

Mặc dù Smith có quen biết nhiều phụ nữ, nhưng ông không hề cưới vợ. Quý bà Riccoboni, nhà tiểu thuyết người Pháp, đã viết rằng “Ông nói giọng khàn khàn với hàm răng lớn và trông ông ấy xấu xí như quỷ” khi gặp Adam Smith lần đầu tiên ở Paris vào tháng 5 năm 1766. “Ông ấy là một sinh vật đáng trí nhất”, nhưng sau cùng bà viết, “tuy nhiên ông là một người đáng yêu nhất” (trích trong Muller 1993, 16). Chúng ta biết chút ít về các mối tình đáng thương của ông. Nhà nghiên cứu tiểu sử về ông đã thuật lại rằng người đàn ông trẻ tuổi Smith đã say đắm một quý cô xinh đẹp và hoàn mỹ nhưng trong những hoàn cảnh

³ Đó là bài đọc nhậm chức chủ tịch của Samuelson trước Hiệp hội Kinh tế Mỹ. Một năm sau, Samuelson tuyên bố “người đàn ông đầu tiên là Adam và nhà kinh tế học đầu tiên ... là Adam Smith” (Samuelson 1966, 1408).

không được biết rõ nào đó đã làm cản trở đám cưới của họ (Ross 1995, 402). Một số quý cô người Pháp đã theo đuổi nhà bác học xấu trai này, tuy nhiên đã không có một kết quả nào.

Mặc dù David Hume thường xuyên trách cứ ông vì việc ông sống quá kín đáo, nhưng Smith đã dành thời gian rảnh rỗi cho việc tham gia rất nhiều câu lạc bộ, như Câu lạc bộ chơi bài, Câu lạc bộ Edinburg, “giới trí thức” London và Câu lạc bộ Johnson. John Rae đã nhận xét rằng “mẹ, bạn bè và các cuốn sách của ông là ba niềm vui lớn của Smith” (1895, 327).

Ở tuổi 14 trẻ trung, Smith đã vào Đại học Glasgow, sau đó dành được học bổng tại Đại học Oxford, nơi ông đã dành 6 năm học các tác phẩm kinh điển Hy Lạp, Latin, văn học Pháp và Anh, cùng các môn khoa học và triết học. Nói về Đại học Oxford, ông đã viết trong cuốn *Của cải của các quốc gia* rằng “trong nhiều năm, phần lớn giới giáo sư đã và đang từ bỏ mọi thứ, thậm chí ngay cả giả vờ giảng dạy” (Smith 1965 [1776], 718). Một số trang sau, Smith đã có những chỉ trích rất nổi tiếng dành cho các giáo sư trường đại học với “các bài giảng giả dối”: “Nếu một giáo viên nào đó là một người hiểu biết, đó hẳn sẽ là một điều khó chịu với anh ta khi nhận thức rằng anh ta đang nói hoặc đọc những thứ vô nghĩa hay rất ít ý nghĩa khi giảng bài cho sinh viên của mình. Đó chắc chắn cũng là những điều khó chịu đối với anh ta khi phải quan sát phần lớn học sinh không đến nghe các bài giảng của mình, hoặc có lẽ dự giờ học với những biểu hiện dễ thấy như sự xao lãng, coi thường, và chế nhạo... Kỷ luật của trường đại học được tạo ra không vì lợi ích của sinh viên mà vì quyền lợi, hay nói đúng hơn, là tạo ra sự dễ dàng cho các giảng viên” (720)⁴.

Về ngoại hình, Smith có một chiều cao trung bình và hơi quá cân. Ông không bao giờ ngồi xuống cho họa sĩ vẽ nhưng một số phác thảo cho thấy “một vài nét khá đẹp trai, trán rộng và đôi mắt sáng, lông mày thanh, mũi hơi khoằm với cái miệng và cằm rắn rỏi” (Rae 1895, 438). Ông tự mô tả chính mình rằng “tôi chỉ là một người bánh bao trong các cuốn sách của mình” (Rae 1895, 438).

Sau khi tốt nghiệp, ông nắm giữ vị trí giáo sư Triết học Đạo đức tại Đại học Glasgow từ năm 1751 đến 1763. Tác phẩm đầu tiên của ông, *Lý thuyết về Tình cảm Đạo đức* (The theory of Moral Sentiments), được xuất bản năm 1759 và đã tạo dựng Adam Smith trở thành một nhà tư tưởng lớn của Scotland.

⁴ George Stigler, một người ngưỡng mộ Adam Smith, khi giảng cho các sinh viên của mình tại Chicago rằng ông khuyên mọi người nên đọc toàn bộ cuốn *Của cải của các quốc gia* trừ trang 720 (Stigler 1966, 168n). Nếu các sinh viên nhìn vào thông điệp này, tìm thấy ở quyển V, phần II, mục II, họ sẽ bắt gặp sự chỉ trích của Smith đối với cách giảng dạy và các bài học giả dối. Nhưng sự trích dẫn đó không là gì nếu so với những điều mà Adam Smith viết ở các trang sau khi ông lên án “phong tục Anh” đã biến những người trẻ tuổi trở nên “ngày càng tự phụ, vô lương tâm, thích chơi bời, và ngày càng thiếu khả năng áp dụng bất kỳ một sự nghiêm túc nào vào cả việc học hành hay công việc kinh doanh... Người cha đã tạo điều kiện cho con trai của mình vào sự “thực hành lố bịch” này sẽ sớm thấy rằng người con của ông “thất nghiệp, bị bỏ rơi, và sắp sửa phá sản ngay trước mắt mình”. Thực tế tồi tệ gì đã xảy ra vậy? Thanh niên (từ 17 đến 21 tuổi) được gửi ra nước ngoài! Smith đã chỉ trích việc gửi các trẻ em ra nước ngoài và cho rằng điều đó làm suy yếu nhân cách của chúng khi tách rời chúng khỏi sự kiểm soát của bố mẹ (1965 [1776], 720).

Giáo sư đấng trí

Trong những tật của mình, vị giáo sư nổi tiếng có một giọng nói khàn khàn, nặng tiếng và hay nói lắp. Ông là một thí dụ hoàn hảo về một giáo sư đấng trí. Cuộc đời của ông là một sự thường xuyên thiếu tính tổ chức và mơ hồ. Sách và các bài viết được vớt khắp mọi nơi trong lúc ông nghiên cứu. Ngay từ khi còn nhỏ, ông có thói quen tự nói chuyện một mình, “mỉm cười trong cuộc nói chuyện một cách say mê với những người bạn đồng hành vô hình” (Rae 1895, 329). Những câu chuyện về sự vụng về của ông rất nhiều: một lần ông ngã vào hầm thuộc da trong khi nói chuyện với một người bạn; một buổi sáng ông cho bánh mì và bơ vào bình trà, và sau khi uống bình trà đó, ông tuyên bố đó là tách trà tệ nhất mà ông từng uống; lần khác, ông đi dạo ra ngoài và mộng du trong bộ áo ngủ cũ kỹ và dừng lại khi đã cách vài dặm ở ngoài thị trấn. Một người cùng thời đã nhận xét, “ông ấy là người đấng trí nhất mà tôi được biết” (trích trong West 1976, 176).

Smith đã viết cuốn kiệt tác của ông như thế nào

Năm 1764, Charles Townsend, một nhà lãnh đạo Anh ở quốc hội đã đưa ra lời mời Smith làm gia sư cho con trai riêng của vợ mình là Henry Scott – Công tước xứ Buccleuch – với một khoản học phí và tiền trợ cấp kha khá. Họ đã tới Pháp, nơi mà Smith đã gặp Voltaire, Turgot, Quesnay và các nhà tư tưởng vĩ đại khác của Pháp. “Smith này là một người đàn ông thật tuyệt vời” Voltaire đã thốt lên. “Chúng ta không là gì khi so sánh với ông ấy” (trích trong Muller 1993, 15).

Đó là nước Pháp mà Smith đã nhận ra rằng ông đã mất đi sở thích làm nhiệm vụ gia sư của mình và bắt đầu nghiên cứu và viết cuốn *Của cải của các quốc gia*. Ông đã mất 10 năm để viết cuốn sách này. Cuối cùng, khi cuốn sách được xuất bản bởi những nhà in hàng đầu của Anh, nó ngay lập tức trở thành sản phẩm bán chạy. Ngay trong lần xuất bản đầu tiên, 10.000 cuốn đã được bán hết trong vòng 6 tháng. David Hume và Thomas Jefferson thuộc trong số những người ca ngợi cuốn sách, và sau đó nó đã được tái bản vài lần và dịch ra tiếng nước ngoài trong thời gian Smith còn sống⁵. Cuốn sách *Của cải của các quốc gia* in ra lần đầu tiên với giá 36 shillings. Ngày nay một người sưu tầm có thể phải trả hơn 150.000 đô-la cho bản in lần đầu đó.

Của cải của các quốc gia vẫn là một cuốn sách kinh điển và nhiều ấn bản khác nhau có thể được tìm thấy ở một số hiệu sách lớn. Ấn bản lần nào bạn nên đọc? Kể từ khi bản quyền hết hiệu lực, nhiều nhà xuất bản đã đưa ra các ấn bản của riêng mình, bao gồm cả Đại học Glassgow, Đại học Chicago, Thư viện cho mọi người và Nhà xuất bản Tự do; thậm chí ở đó còn có cuốn nguyên vẹn với bìa bọc bằng giấy Bantam. Ấn bản mà tôi ưa thích là ấn

⁵ Tôi gợi ý cuốn sách *Adam Smith qua các quốc gia: Sự truyền đạt và tiếp thu*, được hiệu đính bởi Cheng-chung Lai (2000), đề cập đến sự ảnh hưởng từ cuốn sách của Adam Smith qua hàng thế kỷ.

bản năm 1937 của nhà xuất bản Thư viện Hiện đại (tái bản gần đây nhất là 1994), được hiệu đính bởi Edwin Cannan.

Tầm quan trọng của *Của cải của các quốc gia* đã đạt tới tầm cỡ giống như kinh thánh theo một sách dẫn đầy đủ do giáo sư kinh tế học của trường Đại học Colorado Fred R. Glahe (1993) thực hiện. Máy tính thật là kỳ diệu! Bạn có thể tưởng tượng rằng từ “a” xuất hiện 6691 lần trong *Của cải của các quốc gia* không? Sách dẫn hiển nhiên là một giá trị lớn, đặc biệt cho các học giả. Ví dụ “cầu” xuất hiện 269 lần trong khi “cung” chỉ xuất hiện 144 lần. Keynes chắc hẳn sẽ rất hài lòng.

Smith được chỉ định làm nhân viên hải quan và thiêu đốt quần áo của mình

Sau khi xuất bản cuốn sách kinh điển của mình, Smith đã được chỉ định làm nhân viên hải quan ở Edinburgh như đã đề cập ở phần trên. Ông cũng dành thời gian của mình để hiệu đính lại các cuốn sách đã xuất bản, sống một cuộc sống giản dị mặc dù có lương hưu, và trong nhiều năm đã sẻ chia thu nhập cho các hoạt động từ thiện mà ông không bao giờ muốn lộ ra (Rae 1895, 437). Ông đã sống ở Edinburg cho đến cuối đời.

Việc làm nhân viên hải quan là một sự hài hước. Trong *Của cải của các quốc gia*, Smith đã lập luận ủng hộ tự do thương mại. Ông đã tán thành việc loại bỏ hầu hết các thuế quan và thậm chí có đoạn ông viết với sự thông cảm dành cho buôn lậu. Hai năm sau, 1778, Smith tích cực tìm kiếm một vị trí cao hơn trong hệ thống chính phủ, có thể là để cải thiện tình hình tài chính của mình. Smith đã thành công giành được vị trí đó và có tên trong Ủy viên hội đồng hải quan, bất chấp trước đây ông có các bài viết về tự do thương mại và cả những lời nhận xét của bạn ông, tiến sỹ Samuel Johnson, khi nói rằng “một trong những vị trí thấp kém nhất của loài người là Ủy viên Hội đồng thuế quốc gia” (trích trong Viner 1965, 64). Công việc có một chút tiếng tăm đã đem lại cho ông một khoản kha khá 600 bảng một năm. Trong sự nghịch lý kỳ quặc này, nhà vô địch cổ vũ cho tự do thương mại và tự lợi đã dành 12 năm của cuối đời thực thi hệ thống luật nhập khẩu trọng thương của Scotland và trấn áp những kẻ buôn lậu.

Một lần trong công sở, khi Smith đã tự làm quen với các quy tắc và qui định của luật hải quan, bất ngờ ông đã phát hiện rằng ở một số thời điểm cá nhân ông đã vi phạm nó: hầu hết quần áo ông đang mặc là những đồ được nhập lậu trái phép vào đất nước. Viết cho Huân tước xứ Auckland, ông ca thán “Với sự ngạc nhiên lớn, tôi đã nhận thấy rằng hiếm khi tôi có một cái cổ còn [khăn cổ], caravat, một đôi cổ tay áo diềm đấng ten, hay một chiếc khăn tay mà không bị cấm được mặc hoặc sử dụng ở Đại Anh quốc. Tôi mong muốn mình được làm

mẫu và đốt tất cả chúng đi”⁶. Ông đã mong muốn Huân tước Auckland và vợ của Huân tước kiểm tra quần áo của họ và làm tương tự.

Smith đã dự định viết tác phẩm triết học thứ ba về chính trị và luật học, tiếp theo cuốn sách *Lý thuyết Tình cảm Đạo đức* của mình và *Của cải của các quốc gia*⁷. Tuy nhiên, thay vào đó, ông đã dành 12 năm thực thi luật hải quan một cách khó giải thích. Đó là sự căm dỗ của công sở Nhà nước và sự ổn định về nghề nghiệp.

Một vụ tiêu hủy khác vào những năm cuối đời

Một sự kiện tiêu hủy thứ hai đã xảy ra lúc cuối đời của Smith vào năm 1790. Ông đã ăn tối chủ nhật hàng tuần với hai người bạn thân nhất của mình, Joseph Black (nhà hoá học) và James Hutton (nhà địa lý) tại một quán ăn ở Edinburg. Vài tháng trước khi ông mất, ông đã khẩn khoản yêu cầu các bạn của ông hãy huỷ bỏ những giấy tờ của ông chưa được xuất bản ngoại trừ một số ít ông đã cân nhắc gần như chắc chắn để làm việc đó. (Tại sao ông không tự mình đốt những giấy tờ này là một điều bí ẩn). Đây không phải là một yêu cầu mới mẻ. 17 năm trước, khi du lịch tới London với bản viết tay *Của cải của các quốc gia*, ông đã dặn David Hume, người thầy của ông, huỷ toàn bộ các giấy tờ vụn vặt và 18 tập sách dày của mình mà “không cần bất kỳ sự kiểm tra nào” đồng thời không để lại bất kỳ cái gì ngoại trừ những nghiên cứu chưa hoàn thành của ông về lịch sử thiên văn học.

Smith dường như đã được đọc về trường hợp của một nhân vật đương thời có sở hữu một vài bài viết riêng tư được hé lộ cho công chúng với một tiêu sử “nói hết” và ông đã sợ điều này xảy ra tương tự với mình. Ông cũng có thể đã quan tâm tới những bức thư hoặc bài luận mà ông viết ra để bảo vệ một kẻ dị giáo như Hume trong một thời kỳ không có sự khoan dung đối với những người như vậy. Nhưng Hume đã mất trước lúc Smith làm điều đó và phải có một người thực hiện di chúc là điều cần thiết.

Lúc sắp mất, Smith trở nên cực kỳ lo lắng về những tài liệu riêng tư của mình và đã yêu cầu nhiều lần các bạn của mình là Black và Hutton tiêu hủy chúng. Black và Hutton luôn luôn thoái thác làm theo yêu cầu của Smith, hy vọng rằng Smith có thể thay đổi ý nghĩ đó. Nhưng một tuần trước khi mất, ông đã gửi hoả tốc tới những người bạn của mình và khẩn khoản họ hãy đốt tất cả những bản viết mà không cần biết hoặc hỏi trong đó có gì, ngoại trừ một số ít mục chuẩn bị xuất bản. Cuối cùng hai người đã buộc phải bằng lòng và đốt tất cả mọi thứ gồm 16 tập viết tay, trong đó có bản viết của Smith về luật pháp.

⁶ Thư gửi William Eden (Huân tước xứ Auckland), Edinburg, ngày 3/1/1780, trích trong Smith 1987,245-46. Trong thư của mình, Smith đã ủng hộ việc bãi bỏ hoàn toàn hệ thống cấm nhập khẩu, được thay thế bằng mức thuế hợp lý.

⁷ Thật may mắn, những bản chú thích ngoài cho sinh viên về các bài giảng này đã được phát hiện vào năm 1958 và sau đó được xuất bản thành *Những bài giảng về luật học*.

Sau khi đốt toàn bộ, người giáo sư già dường như đã cảm thấy rất thanh thản. Khi những người khác đến thăm ông vào tối chủ nhật tiếp theo để ăn tối như thường lệ, ông đã từ chối không tham gia. “Các quý ông thân mến, tôi rất yêu thích sự đồng hành với các bạn, nhưng tôi tin rằng mình phải rời xa các bạn đi sang một thế giới khác”. Đó là những lời cuối cùng ông gửi tới họ. Ông mất vào thứ bảy tuần sau, ngày 17 tháng 7 năm 1790.

Vương miện ngọc của Adam Smith

Chúng ta hãy cùng tìm hiểu kỹ về kiệt tác vĩ đại nhất của Adam Smith và triết lý kinh tế học mang tính cách mạng của ông. Một hệ thống kinh tế cho phép người đàn ông và người đàn bà theo đuổi những lợi ích bản thân của họ trong các điều kiện “tự do tự nhiên” và theo Smith, cạnh tranh sẽ đem đến một nền kinh tế thịnh vượng và có khả năng tự điều chỉnh. Loại bỏ những rào cản trong xuất khẩu, lao động, và giá cả, đồng nghĩa rằng tối đa hóa vạn vật thịnh vượng thông qua giá cả rẻ hơn, đồng lương cao hơn, và sản phẩm tốt hơn. Điều này sẽ mang đến tăng trưởng và sự ổn định.

Smith định nghĩa về 3 thành tố

Smith bắt đầu cuốn sách với việc bàn luận làm cách nào sự thịnh vượng và của cải được tạo ra thông qua hệ thống thị trường tự do dân chủ. Ông nhấn mạnh 3 đặc trưng của hệ thống tự điều chỉnh hay mô hình cổ điển:

1. Tự do: các cá nhân có quyền sản xuất và trao đổi hàng hoá, lao động và vốn nếu họ thấy thích hợp.
2. Cạnh tranh: các cá nhân có quyền cạnh tranh trong sản xuất và trao đổi hàng hoá và dịch vụ.
3. Công bằng: các hoạt động của cá nhân phải công bằng và trung thực dựa trên các nguyên tắc của xã hội.

Cần chú ý rằng Adam Smith đã kết hợp ba nguyên tắc này trong câu phát biểu sau đây: “Mọi người, khi không vi phạm *luật pháp*, được phép hoàn toàn *tự do* mưu cầu lợi ích của bản thân theo cách riêng của mình và được phép đem sự siêng năng và đồng vốn của mình *cạnh tranh* với bất kỳ người hoặc nhóm người nào khác” (1965 [1776], 651, tác giả nhấn mạnh).

Lợi ích của bàn tay vô hình

Smith biện luận rằng ba thành tố này sẽ đưa đến một sự “hài hoà tự nhiên” về lợi ích giữa công nhân, chủ đất và nhà tư bản. Trở lại với ví dụ về nhà máy sản xuất kim, nhà quản lý và lao động phải cùng nhau làm việc để đạt kết quả và chiếc áo len làm ra chính là “lao động kết nối” cần thiết của công nhân, thương lái, và người vận chuyển trên toàn thế giới. Ở một

mức chung, tư lợi tự nguyện của hàng triệu cá nhân tạo ra một xã hội ổn định và thịnh vượng không cần đến sự điều hành trung tâm của nhà nước. Học thuyết tư lợi khai sáng này của ông thường được gọi là “bàn tay vô hình”, dựa trên một đoạn nổi tiếng (được cải biên lại) từ *Của cải của các quốc gia*: “Bằng việc mưu cầu lợi ích của chính mình, mọi cá nhân được dẫn dắt bởi một bàn tay vô hình thúc đẩy lợi ích chung” (423).

Học thuyết bàn tay vô hình của Adam Smith đã trở thành một phép ẩn dụ phổ biến về một thị trường tư bản không bị trói buộc. Mặc dù Adam Smith sử dụng thuật ngữ này chỉ một lần trong *Của cải của các quốc gia*, và sử dụng rất ít ở nơi nào đó, nhưng thuật ngữ “bàn tay vô hình” đã trở thành biểu tượng cho cách vận hành của nền kinh tế thị trường cũng như cách hoạt động của khoa học tự nhiên (Ylikoski 1995). Những nhà bảo vệ kinh tế học thị trường đã sử dụng nó với ý nghĩa tích cực, mô tả bàn tay thị trường là “lịch sử” (Harris 1998), “thông thái” và “vươn xa” (Joyce 2001), là một thứ “cải thiện đời sống cho mọi người” (Bush 2002), trong khi trái ngược với nó là “bàn tay hữu hình”, “bàn tay giấu mặt”, “bàn tay chiếm đoạt”, “bàn tay chết chóc”, và “quả đấm sắt” của chính phủ, nơi sở hữu “sự giẫm đạp vô hình lên những niềm hy vọng của nhân dân và phá huỷ giấc mơ của họ” (Shleifer và Vishny 1988, 3-4; Lindsey 2002; Bush 2002). Các phê phán cũng sử dụng các so sánh đối lập để thể hiện sự đối địch của họ với chủ nghĩa tư bản. Với họ, bàn tay vô hình của thị trường có thể là “một quả ve trái tay” (Brennan và Petit 1993), “giẫm đạp” và “làm sa lầy” và “bị cắt bỏ” (Hahn 1982), “bị tê liệt” (Stiglitz 2001, 473), “đắm máu” (Rothschild 2001, 119) và là “một quả đấm sắt của cạnh tranh” (Roemer 1988, 2-3).

Khái niệm bàn tay vô hình đã nhận được sự ca tụng một cách đáng ngạc nhiên từ các nhà kinh tế học. Tất nhiên, một trong số đó là sự tán dương hết lời từ những người ủng hộ thị trường tự do. Milton Friedman đề cập đến biểu tượng của Adam Smith như là “sự sáng suốt quan trọng” trong hợp tác và khả năng tự điều chỉnh “sức mạnh của thị trường đến sản xuất hàng hoá của chúng ta, quần áo của chúng ta, ngôi nhà của chúng ta” (Friedman và Friedman 1980, 1). “Tầm nhìn của ông về con đường mà các hành động tự nguyện của hàng triệu con người có thể được kết hợp lại với nhau thông qua hệ thống giá cả không cần tới sự chỉ đạo tập trung... là sự sáng suốt tinh vi và huyền diệu” (Friedman 1978, 17; được trích trong Friedman 1981).

Các nhà kinh tế học trường phái Keynes cũng chẳng hề kiêu lời khi ca ngợi về điều này. William Baumol và Alan Blinder đã phát biểu rằng mặc dù có những điều chưa hoàn hảo, “bàn tay vô hình sở hữu một năng lực đáng kinh ngạc để giải quyết vấn đề phối hợp giữa những phần tử khổng lồ thực sự” (2001, 214). Frank Hahn đã ca ngợi học thuyết bàn tay vô hình như một “sự ngạc nhiên” và phép ẩn dụ thích hợp. “Bất kể những sự chỉ trích nào tôi được biết ở các học thuyết về sau này, tôi muốn ghi lại rằng đó là một kết quả lớn của trí tuệ ... Bàn tay vô hình hoạt động hài hoà đem lại sự tăng trưởng hàng hoá mà loài người mong muốn” (Hahn 1982, 1, 4, 8).

Định lý cơ bản đầu tiên về kinh tế học phúc lợi

Học thuyết bàn tay vô hình về thị trường được biết đến như là “định lý cơ bản đầu tiên về kinh tế học phúc lợi”⁸. George Stigler đã gọi đó là “vương miện nam ngọc” của *Của cải của các quốc gia* và là “định đề quan trọng nhất của mọi định đề trong kinh tế học”. Ông bổ sung thêm, “Smith có một chiến thắng đặc biệt quan trọng: ông đưa vào trung tâm kinh tế học sự phân tích có hệ thống hành vi của các cá nhân theo đuổi tư lợi dưới những điều kiện cạnh tranh” (Stigler 1976, 1201).

Xây dựng trên mô hình cân bằng tổng quát (GE) của Walras, Pareto, Edgeworth và rất nhiều những bậc tiền bối khác, Kenneth J. Arrow và Frank Hahn đã viết một cuốn sách tổng thể phân tích “một nền kinh tế phi tập trung hoá, lý tưởng hoá”, và coi Smith như “sự diễn tả nên thơ của cấu trúc cơ bản nhất về các mối quan hệ cân bằng trong nền kinh tế, sự cân bằng hoá tỷ lệ lợi nhuận...”. Hahn kỳ vọng một sự hỗn loạn vô chính phủ, nhưng thị trường đã đưa ra “một câu trả lời khác” - sự trật tự tự phát. Ở một khía cạnh rộng hơn, Arrow và Hahn phát biểu rằng tầm nhìn của Smith “hiển nhiên là đóng góp trí tuệ quan trọng nhất mà tư tưởng kinh tế đã tạo ra một sự hiểu biết chung về tiến trình xã hội” (Arrow và Hahn 1971, v, vii, 1). Không chỉ về kinh tế học phúc lợi (Luật Walras, tối ưu Pareto, hộp Edgeworth) đã khẳng định dựa trên căn cứ hình học và toán học về luận điểm cơ bản của Adam Smith, mà nó còn cho thấy rằng trong hầu hết các trường hợp sự độc quyền, sự hỗ trợ từ phía Nhà nước và các hình thức khác phi cạnh tranh tất yếu dẫn đến sự lãng phí và không hiệu quả (Ingra và Israel 1990).

Adam Smith nói về Bàn tay vô hình

Thật ngạc nhiên khi Adam Smith sử dụng thuật ngữ “bàn tay vô hình” chỉ có ba lần trong các tác phẩm của mình. Các đề cập là rất ít ỏi mà các nhà kinh tế và chính trị hiếm khi đề cập đến ý tưởng bàn tay vô hình như một thuật ngữ trong thế kỷ 19. Không có sự trích dẫn tham khảo nào về nó trong lễ kỷ niệm một thế kỷ ra đời tác phẩm *Của cải của các quốc gia* vào năm 1876. Sự thật là, trong tập được tái bản nổi tiếng của Edwin Cannan, được xuất bản năm 1904, phần chú dẫn đã không có một mục từ riêng nào cho “bàn tay vô hình”. Thuật ngữ này chỉ trở nên một biểu tượng thông dụng trong thế kỷ 20 (Rothschild 2001, 117-18). Nhưng sự kiện mang tính lịch sử này không ám chỉ rằng phép ẩn dụ của Smith chỉ là thứ bên lề trong tư tưởng của ông; nó thực sự là nhân tố trung tâm của tư tưởng ấy.

Sự đề cập về bàn tay vô hình được tìm thấy trong cuốn “Lịch sử Thiên văn học”, cuốn sách ông đã trình bày về những người mê tín khi họ cho rằng các hiện tượng bất thường là do các thần thánh vô hình tạo ra:

⁸ Trong kinh tế học phúc lợi, “phúc lợi” đề cập đến hàng hoá chung hoặc tình trạng hạnh phúc nói chung của con người chứ không phải con người sống nhờ phúc lợi hay trợ cấp của chính phủ.

Đối với loài người trong thời kỳ nguyên thủy, cũng như trong thời kỳ đầu của người Heathen cổ xưa, những hiện tượng bất thường của thiên nhiên đều được cho là từ các lực lượng siêu nhiên và quyền năng do chúa của họ tạo ra. Lửa cháy và nước chảy; vật thể nặng chìm xuống và vật thể nhẹ hơn nổi lên là quy luật của tự nhiên; chứ không phải bao giờ cũng là bàn tay vô hình của thần Jupiter được sử dụng vào những vấn đề như vậy (Smith 1982, 49).

Lời tuyên bố đầy đủ về quyền năng kinh tế của bàn tay vô hình đã xuất hiện ở *Lý thuyết Tình cảm Đạo đức*, khi mà Smith đã mô tả một số chủ đất giàu có khó ưa là những người có “bản tính ích kỷ và tham lam” theo đuổi “những nhu cầu vô độ và hảo huyền”. Và hơn nữa họ đã tuyển dụng vài ngàn người công nhân nghèo khổ để sản xuất những hàng hoá xa hoa:

Phần còn lại ông ta [người chủ] buộc phải phân phối... giữa những người... đang làm thuê trong một nền kinh tế khổng lồ; tất cả những ai được hưởng từ sự xa hoa và đồng bóng của ông ta chỉ là phần tối thiểu dành cho cuộc sống với sự kỳ vọng hảo huyền về sự nhân đạo hay tính công bằng của người chủ... Họ chia sẻ với người nghèo kết quả từ tất cả các tiến bộ của họ. Họ được dẫn dắt bởi bàn tay vô hình... mà họ không hề để ý hay biết đến rằng điều đó thúc đẩy mọi lợi ích của xã hội (Smith 1982 [1759], 183-85).

Lần đề cập thứ ba, đã được trích dẫn ở trên, xuất hiện ở phần thương mại quốc tế trong *Cửa cải của các quốc gia*, khi Smith tranh luận chống lại các rào cản nhập khẩu và chống lại các thương lái cũng như những nhà sản xuất đã ủng hộ quan điểm Trọng thương. Sau đây là toàn bộ trích dẫn:

Vì vậy, mọi cá nhân có nỗ lực hết sức để có thể sử dụng đồng vốn của mình hỗ trợ ngành sản xuất trong nước và làm cho ngành này có thể tạo ra giá trị lớn nhất; mỗi cá nhân nhất thiết phải lao động để làm cho doanh thu hàng năm của xã hội ở mức lớn nhất anh ta có thể. Nhìn chung, thực sự anh ta không có ý định thúc đẩy lợi ích chung hoặc giả cũng không biết rằng mình đã thúc đẩy lợi ích đó lên được bao nhiêu... Và bằng việc hướng ngành sản xuất vào việc tạo ra các sản phẩm có giá trị lớn nhất có thể, anh ta chỉ có ý định là thu vén cho lợi ích của riêng mình, và anh ta ở trong trường hợp này cũng như nhiều trường hợp khác, bị dẫn dắt bởi bàn tay vô hình thúc đẩy để thực hiện một mục đích mà thực ra anh ta không hề nghĩ đến. Điều đó cũng không làm cho xã hội bị tồi đi. Bằng việc theo đuổi lợi ích riêng của mình, anh ta thường xuyên thúc đẩy lợi ích của xã hội nhiều hơn khi anh ta thực sự có ý định làm như vậy. Tôi chưa bao giờ được biết nhiều điều tốt như thế từ những kẻ giả danh buôn bán vì lợi ích chung (Smith 1965 [1776], 423).

Một sự giải thích tích cực hay tiêu cực?

Nhiều nhà quan sát tin rằng Adam Smith sử dụng bàn tay vô hình theo một ý nghĩa tích cực, nhưng trong cuốn sách gần đây của mình, *Tình cảm Kinh tế* (Economic Sentiments), giáo sư

Đại học Cambridge Emma Rothschild đã bày tỏ sự bất đồng. Bằng việc sử dụng những bằng chứng “gián tiếp”, bà kết luận “những điều gì tôi sẽ gợi ý dưới đây cho thấy rằng Adam Smith đã không đặc biệt coi trọng bàn tay vô hình”. Theo Rothschild, quan điểm của Smith về hình tượng bàn tay vô hình như là một “trò đùa hài hước nhẹ nhàng”. Bà tiếp tục đi xa hơn khi cho rằng đó là “thứ chống lại Smith và không quan trọng với học thuyết của ông” (Rothschild 2001, 116, 137). Bà thậm chí gợi ý rằng Smith có thể đã vay mượn sự diễn đạt này từ Shakespeare. Rothschild lưu ý rằng Smith đã thuộc lòng Tập III của vở *Macbeth*. Trong khung cảnh ngay trước bữa ăn và án mạng của Banquo, Macbeth đã yêu cầu bóng tối che phủ tội ác mà anh ta định thực hiện:

Hãy đến đây, nhìn vào bóng đêm

Che đi ánh mắt dịu dàng của một ngày tội nghiệp

Với bàn tay đẫm máu và vô hình của người

Xoá bỏ và xé tan đi sự ràng buộc lớn lao ấy

Giúp ta mờ dần đi

Vì vậy chúng ta đã thấy một bàn tay vô hình không phải là một bàn tay thân thiện, mà là một bàn tay đẫm máu và đầy bạo lực. Nhưng Rothschild có lẽ đã chống đối quá mức. Mặc dù Smith đã sử dụng cụm từ “bàn tay vô hình” chỉ một vài lần, ý tưởng về một bàn tay vô hình có lợi có mặt ở khắp mọi nơi trong các tác phẩm của ông. Hơn thế nữa, ông đã lặp lại tuyên bố của mình rằng các cá nhân hoạt động vì lợi ích của bản thân họ mà không có ý thức làm lợi cho hạnh phúc chung. Như Jacob Viner đã diễn giải về học thuyết của Smith “Thượng đế ưa thích thương mại giữa những con người để thúc đẩy tình anh em chung giữa họ” (Viner 1972, lời tựa). Smith đã lặp đi lặp lại sự ủng hộ của mình về dỡ bỏ hàng rào thuế quan, đặc lợi của nhà nước, và các điều luật lao động vì điều đó giúp cho các cá nhân có thể có các cơ hội để “cải tạo tốt hơn điều kiện cho chính họ” và từ đó làm cho mọi người trở nên tốt hơn (1965 [1776],329). Ý tưởng của học thuyết bàn tay vô hình xuất hiện nhiều hơn Rothschild đã thấy. Ngay từ những trang đầu trong cuốn *Lý thuyết Tình cảm Đạo đức*, Smith đã lập luận về điều này trong học thuyết của mình:

Những người Stoic cổ xưa đưa ra ý kiến rằng thế giới được kiểm soát bởi những điều luật của Thượng đế một cách thông thái, quyền năng, và bởi vị Chúa tốt, mọi sự kiện riêng lẻ phải được coi như là một phần cần thiết nằm trong dự kiến của vũ trụ, và hướng tới sự thúc đẩy một trật tự chung và hạnh phúc cho tổng thể: những tật xấu và hành động đại dột của loài người vì vậy là một phần quan trọng nằm trong dự kiến này bên cạnh sự thông thái và đạo đức của họ; và bởi những sự huyền bí bất diệt biến điều xấu xa thành tốt đẹp và có khuynh hướng làm cân bằng sự thịnh vượng và sự hoàn hảo của hệ thống tự nhiên vĩ đại (Smith 1982 [1759] 36).

Mặc dù Smith đã thất bại khi đề cập đến bàn tay vô hình đích danh trong đoạn trên, nhưng ngữ cảnh đã được thể hiện một cách sinh động. Tác giả đã trích Chúa trời thông qua *Lý thuyết Tình cảm Đạo đức*, sử dụng những tên như Đấng sáng tạo Tự nhiên, Kỹ sư, Đấng

Kiến trúc vĩ đại, Người sáng lập, Vị quan toà của trái tim, Thần thánh, và Vị quan toà 'hiều mọi điều' của thế giới.

Tín ngưỡng của Adam Smith là gì?

Chúa đã không được đề cập trong *Của cải của các quốc gia* đã làm cho một số người đọc có thể kết luận rằng Adam Smith, cũng như người bạn Khai sáng Scotland thân nhất của ông, David Hume, là những người theo chủ nghĩa vô thần. Smith thực tế đã chia sẻ nhiều giá trị với Hume. Không ai trong số họ là đi đến nhà thờ hoặc là những tín đồ truyền thống vào niềm tin Thiên chúa. Cả hai nhà tư tưởng Scotland đều phản đối học thuyết Thiên chúa-Hy Lạp về phi vật chất và phi thương mại, và triết lý Thiên chúa giáo khi cho rằng các nhu cầu trần tục là bản chất của quý. Cũng như Hume, Smith đã tin rằng một xã hội thịnh vượng, đạo đức là có thể trong cuộc sống, và nó đến không chỉ có trong cuộc sống và rằng xã hội đó có thể được dựa trên khoa học và lý trí, không phải dựa trên chủ nghĩa độc đoán và sự mê tín dị đoan. Cả hai người đều đã ủng hộ tự do thương mại, đấu tranh chống chủ nghĩa Trọng thương với sự trợ cấp từ chính phủ và các điều luật, và cảnh báo sự nguy hiểm của một chính phủ phình to (Fitzgibbons 1994, 14-18).

Tuy vậy Smith đã rõ ràng không đồng tình một vài khía cạnh quan trọng trong tư tưởng của Hume, đặc biệt là sự hận thù của ông đối với tôn giáo có tổ chức. Hume đã thích một nhà nước tôn giáo không cạnh tranh bởi vì nó sẽ cung cấp nhựa sống cho lòng nhiệt huyết của những người đi theo tôn giáo và duy trì trật tự chính trị. Smith thì ngược lại, phản đối nhà nước tôn giáo, vì ông nghĩ rằng nó khuyến khích sự thiếu khoan dung và sự cuồng tín. Ông đã nghĩ rằng tôn giáo là có lợi nếu niềm tin vào tôn giáo và các tổ chức tôn giáo là tự do và mở cửa. “Trong một số nhỏ các giáo phái, đạo đức của mọi người là giống nhau và có trật tự: thông thường nhiều hơn với số trong nhà thờ” (1965 [1776], 747-48). Ông đã thích “một số lượng đông đảo các giáo phái” và có một không khí cạnh tranh để giảm bớt sự hăng máu và cuồng tín, khuyến khích sự bao dung, hài hoà và tín ngưỡng có chừng mực (744-45)⁹. Smith đã tự mình đem lại nhiều đóng góp cho các tổ chức từ thiện trong cuộc đời và đã từng một lần giúp đỡ một người đàn ông mù trẻ tuổi có một nghề nghiệp tri thức (Fitzgibbons 1995, 138).

Smith đã loại bỏ tư tưởng phi luân lý của Hume và cả thái độ hư vô về các nhận định hiểu biết và chủ nghĩa nghi ngờ cực đoan về các giá trị truyền thống, được tìm thấy trong *Luận thuyết về bản chất con người* (A Treatise on Human Nature). Không giống như Hume, Smith là một tín đồ về người hoà giải cuối cùng. Đức tin của ông dành nhiều cho tín ngưỡng

⁹ Laurence Iannaccone (Đại học George Mason), Robert Barro (Harvard), và Edwin West đã kiểm tra giả thuyết của Smith về sự tự do tôn giáo, so sánh lượng người tham dự tại nhà thờ và mức độ các độc quyền ở các nước khác nhau theo đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành, và có kết luận rằng lượng người tham dự nhà thờ có xu hướng tăng lên ở các nước có tự do tôn giáo và có nhiều tín ngưỡng khác nhau. Xem Iannaccone (1991), West (1990).

thần luận trong chúa Stoic và Stoic tự nhiên hơn là một con chiên thuộc dòng chúa Khải huyền, hay là thuyết được đền ơn và bị trừng phạt trong tương lai. Cuốn sách *Tình cảm đạo đức* của ông thường xuyên đề cập tới Chúa. Như Robert Heilbroner đã viết, chủ đề của “bàn tay vô hình ... xuyên suốt toàn bộ *Tình cảm đạo đức* ... Bàn tay vô hình đề cập tới cách thức mà Đấng sáng tạo tự nhiên đã đảm bảo cho nhân loại đạt được chủ tâm của Người cho dù còn tồn tại khyết điểm trong quyền lực đó...” (Heilbroner 1986, 60).

Smith đã theo Hume trong việc loại bỏ tín ngưỡng và hệ thống hoá nhà thờ, nhưng vẫn còn một chút ít nghi ngờ rằng Adam Smith có đức tin vào Đấng Sáng thế. Như A.L. Macfie kết luận, “toàn bộ âm hưởng của công việc ông làm sẽ có sự thuyết phục lớn rằng ông là một người ngoan đạo thực sự” (Macfie 1967, 111).

Chủ đề xuyên suốt trong các tác phẩm của Adam Smith là làm thế nào có một xã hội tự do dân chủ, một “hệ thống tự do tự nhiên”, nơi mà sự tự do được tối ưu hoá về mặt kinh tế, về mặt chính trị và về mặt tôn giáo trong một nền móng vững chắc về đạo đức của pháp luật, phong tục và các giá trị.

Niềm tin vào Đức Chúa vô hình

Nhà lịch sử Athol Fitzgibbons đã có lý do chính đáng khi gọi Kế hoạch kinh tế mới là “Hệ thống của Adam Smith về Tự do, Thịnh vượng và Đạo đức” (1995). Nếu “một bản miêu tả mới về Smith” là đúng, sự ẩn dụ về bàn tay vô hình là cách thể hiện phù hợp đầy đủ nhất để mô tả hệ thống tự do tự nhiên của ông, kể từ khi thiết lập một xã hội đạo đức yêu cầu sự hiểu biết có hệ thống về cái đúng và cái sai.

Như được đề cập ở trên, bàn tay vô hình là một cách ám chỉ khác mà Smith miêu tả Chúa. Như Salim Rashid viết, “có lẽ “bàn tay vô hình có thể nghĩ như một bàn tay dẫn dắt của các vị thần” (Rashid 1998, 219). Dù không phải là một con chiên Thiên chúa truyền thống, Smith đã rất quen thuộc với Kinh thánh và niềm tin Thiên chúa giáo. Trong kinh thánh, thượng đế thỉnh thoảng được nhắc đến là “Đức Chúa vô hình”. Thánh Paul đã viết cho Timothy, “Bây giờ đến Đức vua đời đời bất diệt, vô hình, và chỉ có Đức chúa thông minh là thiêng liêng và chói sáng mãi mãi. Amen” (1 Timothy 1:17; cùng xem Colossians 1:15-16).

Đó là một sự tò mò làm thế nào mà các nhà kinh tế hiện đại ngày nay thường xuyên đã viện dẫn thuật ngữ tôn giáo để miêu tả bàn tay vô hình. Trong bài luận nổi tiếng, “Tôi, cái bút chì”, Leonard Read (người say mê trường phái Áo) đã khắc hoạ công việc của bàn tay vô hình trong việc tạo ra cái bút chì một cách “thần bí” và “kỳ diệu” (Read 1999 [1958], 10-11). Milton Friedman đã sử dụng ngôn ngữ tương tự (Friedman và Friedman 1980, 3, 11-13). Frank Hahn đã lưu ý khái niệm bàn tay vô hình giả thiết “một ý nghĩa sống động của nguồn gốc tội lỗi (có hữu) một xã hội loài người đầy tham lam và tự lợi” (Hahn 1982, 1, 5). James Tobin luôn trình bày về “tín đồ thực sự của bàn tay vô hình” (Tobin 1992, 119). Và

biểu tượng tôn giáo này đã đem lại cho chúng ta bốn cấp độ niềm tin và làm thế nào áp dụng nó vào các trường phái kinh tế học có tính chất mâu thuẫn với nhau.

Các mức độ khác nhau về niềm tin trong chủ nghĩa tư bản

Kinh Thánh đã nói một thứ bậc về niềm tin của các cá nhân vào Chúa và kiệt tác của người, phân loại trong số họ những người không tin, tin ít, tin nhiều, và hoàn toàn tin vào sự hiện diện của đấng tối cao. Chúa là “vô hình”. Như vậy, con người có niềm tin khác nhau về tôn giáo của họ. Trong thế giới ngày nay, rất ít tín đồ có niềm tin tuyệt đối vào Chúa, rằng người sống và làm những điều kỳ diệu trong thế giới của họ, và không bao giờ nghi ngờ. Số khác có niềm tin lớn lao vào những quyền lực phi thường, dù họ có đôi chút nghi ngờ. Cùng vào thời điểm đó, có nhiều người có ít niềm tin vào Chúa; một số họ thi thoảng thấy những tác phẩm “vô hình” của Chúa nhưng rất hiếm khi đến nhà thờ. Cuối cùng đó là những người vô thần và bất khả tri, là những người không tin vào Chúa, loại bỏ hoàn toàn ý nghĩ về sự Khải huyền hoặc siêu nhiên và họ là những người chỉ tin vào duy nhất năm giác quan, thế giới tự nhiên và lý trí.

Cũng như con người có những mức độ niềm tin khác nhau vào một “Đức Chúa vô hình”, mọi người đã có những niềm tin khác nhau vào một “bàn tay vô hình” có lợi của chủ nghĩa tư bản và sự tự do. Tôi tin chắc rằng nếu để cho họ tự xoay xở thì các cá nhân sẽ hoạt động theo lợi ích của mình và tạo ra một kết quả tích cực. Niềm tin thể hiện một mức độ có khả năng lường trước cho tương lai: Một nền kinh tế không bị trói buộc liệu có tự hồi phục sau một cuộc khủng hoảng? Việc loại bỏ thuế giữa hai quốc gia sẽ làm gia tăng việc làm và thương mại của hai nước? Việc không kiểm soát giá dầu mỏ sẽ loại bỏ các cuộc khủng hoảng năng lượng? Việc thất nghiệp kỹ thuật trong một ngành sẽ dẫn đến việc làm mới ở ngành khác? Có một nền kinh tế cạnh tranh cuối cùng sẽ phá hủy sức mạnh độc quyền ở một thị trường nhất định nào đó? Các cá nhân có mức độ tự tin khác nhau về thị trường phản ứng tích cực với sự thay đổi hay các cuộc khủng hoảng. Một số có niềm tin tuyệt đối rằng mọi người tiến hành công việc vì sự tốt đẹp hơn. Một số khác có niềm tin lớn lao rằng trong nhiều trường hợp các hoạt động cá nhân mang lại lợi ích cho xã hội. Số khác chỉ có một chút niềm tin vào thị trường tự do và lo lắng rằng, hầu hết thời gian, các doanh nghiệp tư nhân làm cái gì tốt nhất cho chính các cá nhân chứ không phải vì xã hội. Cuối cùng có một số ít người từ chối bất kỳ thứ tốt đẹp nào đến từ thế giới tranh giành ác liệt (dog-eat-dog) của Mammon, các tập đoàn xuyên quốc gia lũng đoạn, tham nhũng và gây ra khủng hoảng và không có cái gì có thể cải thiện vấn đề này cứu rỗi cải cách thể chế chính hoặc cách mạng ngoài vòng pháp luật.

Tôi đã từng chia ra bốn trường phái kinh tế học theo mức độ niềm tin khác nhau đối với tư bản chủ nghĩa và thị trường tự do: Chủ nghĩa Marx không có niềm tin đối với hệ thống tư bản chủ nghĩa có khả năng giải quyết các vấn đề xã hội; Trường phái Keynes có

chút nghi ngờ về bàn tay vô hình; các nhà kinh tế học Chicago có niềm tin lớn lao vào sự vận hành của chủ nghĩa tư bản; và trường phái Áo có niềm tin hoàn hảo, thậm chí mù quáng vào chủ nghĩa tư bản (Skousen 2005, 261-67).

Phải chăng Adam Smith đã bỏ qua chủ nghĩa cá nhân và lòng tham của con người?

Những nhà phê bình lo lắng rằng bản kế hoạch chi tiết về sự tự do của nhà kinh tế người Scotland này đã bật đèn xanh cho tính háms lợi và sự lừa đảo, thậm chí “sự xung đột xã hội, phá huỷ môi trường, và lạm dụng quyền lực” (Lux 1990). Chẳng phải *Của cải của các quốc gia* tán thành một cách không bối rối sự ích kỷ tham lam và tính tự cao? Làm sao mà Adam Smith đã bỏ qua nhiều trường hợp gian trá, lừa lọc, trục lợi khách hàng hàng ngày của các nhà tư bản nhằm theo đuổi lợi ích cá nhân mà bỏ qua các phí tổn xã hội.

Trái ngược với niềm tin chung, Smith đã không hề bỏ qua chủ nghĩa duy ngã độc tôn, sự tham lam và sự suy đồi kiểu phương Tây, hoặc ông cũng không muốn tính hiệu quả về kinh tế thế chỗ cho đạo đức. Tự lợi không có nghĩa là bỏ qua các nhu cầu của người khác; thực tế, nó có ý nghĩa ngược lại: hệ thống của ông đảm bảo rằng cả người mua và người bán đều có lợi từ mỗi giao dịch tự nguyện. Nhiều độc giả đã không đánh giá đúng câu trích nổi tiếng của ông “chúng ta không mong bữa ăn tối nhờ sự hảo tâm của người bán thịt, người bán rượu, hoặc người làm bánh, mà từ lợi ích của chính họ”. Đây là ngữ cảnh của câu nói trên:

Nhưng con người hầu như thường xuyên cần phải có sự giúp đỡ của các bạn hữu và thật quả là vô ích nếu mong đợi điều đó chỉ xuất phát từ lòng nhân từ của họ. Sẽ tốt hơn khi anh ta thuyết phục được rằng anh ta có thể quan tâm đến sự vị kỷ của họ trong lợi ích của anh ta và cho họ thấy rằng có lợi khi làm điều đó cho anh ta khi anh ta yêu cầu họ... Hãy cho tôi cái tôi muốn và anh sẽ có cái anh muốn, đó chính là ý nghĩa của mọi trao đổi như vậy. Điều đó không xuất phát từ sự hảo tâm của người bán thịt, bán rượu, hay bán bánh mì mà chúng ta có bữa ăn tối, mà từ chính lợi ích của họ. Chúng ta chú tâm đến sự vị kỷ của họ chứ không phải là sự nhân đạo, và không nói với họ về những thứ chúng ta cần mà nói về lợi ích mà họ sẽ đạt được (Smith 1965 [1776] 14).

Thông điệp mà Adam Smith nói với chúng ta là chúng ta có thể giúp chính mình bằng việc giúp đỡ người khác – Nguyên tắc vàng (Golden Rule). Những người kinh doanh tập trung vào việc thỏa mãn nhu cầu và mong muốn của khách hàng sẽ thu được nhiều lợi nhuận nhất. Mặc dù các nhà tư bản được thúc đẩy bằng sự mong muốn đạt được lợi ích cá nhân, nhưng cách thức mà họ tối ưu hoá lợi nhuận là việc thường xuyên tìm cách đáp ứng nhu cầu hàng ngày của công chúng. Do vậy, các nhà tư bản thành công tất yếu định hướng

hành vi hàng ngày đến nhiệm vụ giúp đỡ và phục vụ người khác. Tự lợi dẫn đến sự thấu cảm.

Smith đã ưa thích sự tự kiềm chế. Thực tế, ông đã khẳng định chắc chắn rằng một xã hội thương mại tự do tương thích trong các ràng buộc về luật pháp mà ông đã vạch ra sẽ hài hoà các xúc cảm và thoát được sự lạc lối trong cánh rừng rậm của Hobbes, một khung cảnh ông thừa hưởng từ Montesquieu (xem trang 40-41) và sau này là Nghị sĩ Nassau.¹⁰ Ông đã dạy rằng thương mại khuyến khích con người trở nên có giáo dục, cần cù và tự giác, và làm giảm sự thoả mãn. Đó là sự sợ hãi mất khách hàng “sẽ hạn chế sự gian dối và sửa đổi tính sơ suất của anh ta (người bán hàng)” (1965 [1776], 129).

Mọi sự trao đổi hợp pháp phải đem lại lợi ích cho cả người mua và người bán, không làm thiệt hại cho bất cứ bên nào. Bàn tay vô hình của Smith chỉ hoạt động khi những người kinh doanh có một tầm nhìn được khai sáng trong dài hạn về cạnh tranh, nơi nhận ra giá trị của tiếng tăm và tái lập kinh doanh. Nói ngắn gọn, tự lợi thúc đẩy lợi ích của xã hội chỉ khi nhà sản xuất đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Khi khách hàng bị lừa dối, một sự kiện xảy ra rất phổ biến cho xã hội, tự lợi sẽ vượt quá phí tổn trong phúc lợi của xã hội.

Smith đã nhận ra rằng mọi người bị thúc đẩy bởi lợi ích. Nó tự nhiên tìm kiếm vì mình và vì gia đình mình hơn mọi lợi ích khác và từ bỏ nó sẽ là trái quy luật tự nhiên của con người. Dù vậy ở cùng thời điểm này, Smith đã không bỏ qua cho tính ích kỷ và sự tham lam. Vì đối với Adam Smith, tham lam và ích kỷ là vô đạo đức. Ông chắc sẽ không hài lòng với Ayn Rand khi gọi ích kỷ là đạo đức, hoặc Walter William đã dán cái mác tốt cho lòng tham (Rand 1964). Tuy nhiên, Smith đã chấp nhận tất cả những tật xấu của con người, và ông cho rằng những động cơ cơ bản ấy không thể bị cấm hoặc đặt ngoài vòng pháp luật được và rằng chúng chỉ có thể không được khuyến khích hoặc được làm cho hài hoà trong một xã hội thương mại với những động cơ đúng đắn. Như Dinesh D’Souza đã diễn giải Smith “Chủ nghĩa tư bản khai hóa lòng tham cũng giống như kết hôn khai hóa nhục dục. Lòng tham, cũng như nhục dục, là một phần tự nhiên của con người; nó sẽ là vô ích khi cố gắng triệt tận rễ. Việc mà chủ nghĩa tư bản có thể làm là khơi dòng lòng tham theo cái cách mà nó đáp ứng được mong muốn và nhu cầu của xã hội” (D’Souza 2005).

Trong thực tế, xã hội lý tưởng của Smith sẽ được thấm đậm với tính đức hạnh, sự yêu thương lẫn nhau, và pháp luật dân sự ngăn cấm các hoạt động kinh doanh bất công và gian lận. “Khán giả vô tư” của Smith phản ánh các chuẩn mực đạo đức và sự đánh giá của cộng đồng (Smith 1982 [1759], 215 lần). Con người kinh tế là hợp tác, công bằng không làm hại người khác. Một môi trường đạo đức tốt và hệ thống luật pháp làm lợi cho tăng trưởng kinh tế. Smith ủng hộ thể chế xã hội – thị trường, cộng đồng tôn giáo và luật pháp – thúc đẩy

¹⁰ Trong bài diễn văn nhậm chức Giáo sư Drummond Kinh tế Chính trị đầu tiên tại Oxford, Nghị sĩ Nassau đã dự đoán rằng ngành khoa học mới “sẽ có thứ hạng đầu tiên theo đánh giá công chúng trong các ngành khoa học đạo đức...” và tuyên bố rằng “muru cầu giàu có... đối với bộ phận loài người, là nguồn lực lớn đối với sự hoàn thiện về đạo đức”.

tính tự chủ, tự giác và sự yêu thương (Muller 1993:2). Và hơn hết, Adam Smith không chỉ là một nhà kinh tế, mà còn là một giáo sư triết học đạo đức.

Vấn đề của Smith: cảm thông với Tự lợi

Trong tác phẩm năm 1759, *Lý thuyết Tình cảm Đạo đức*, Adam Smith đã viết rằng “cảm thông” là động cơ đằng sau một xã hội yêu thương và thịnh vượng. Trong *Của cải của các quốc gia*, “tự lợi” trở thành động lực chính. Nhà triết học người Đức đã gọi sự mâu thuẫn này là *Vấn đề của Smith* (Das Adam Smith Problem), nhưng Smith tự mình đã không nhìn thấy sự xung đột nào giữa hai điều này. Ông có một cái nhìn lịch sử. Trong xã hội trước tư bản chủ nghĩa được miêu tả trong *Lý thuyết Tình cảm Đạo đức*, sự yêu thương, hoặc tình yêu có lẽ là nhân tố quan trọng nhất trong một gia đình hoặc trong các mối quan hệ với đồng nghiệp và bè bạn trong một làng xã nơi mọi người biết rõ về nhau. Tuy nhiên, trong thế giới công nghiệp tư bản, các thành phố như London hay Paris thu hút hàng ngàn người lạ mặt và động lực thay đổi từ thông cảm đến tự lợi trong hoạt động kinh tế, vì “thật là vô nghĩa kỳ vọng cái gì đó chỉ từ lòng nhân từ” (1965 [1776], 14).

Smith đã kết hợp cả hai động cơ trong *Của cải của các quốc gia*, nơi sự thông cảm và sự tự lợi là hai động lực chính trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện đại. Smith đã tin rằng mọi người có một nhu cầu cơ bản có thể được chấp nhận bởi người khác. Để có được sự thông cảm này, mọi người phải thể hiện theo cách có được sự tôn trọng và sự khâm phục. Trong cuộc sống kinh tế, nó có nghĩa là tự lợi được khai sáng, nơi mà cả người bán và người mua cùng được lợi trong cuộc giao dịch giữa họ. Hơn nữa, Smith đã dám chắc rằng tiến bộ kinh tế và thặng dư của cải là một điều kiện tiên quyết cho sự cảm thông và từ thiện. Nói ngắn gọn, Smith đã mong muốn kết hợp kinh tế học và hành vi đạo đức (Fitzgibbons 1995, 3-4; Tvede 1997, 29).

Nhà triết học người Scotland đã tin rằng con người bị thôi thúc bởi cả sự tự lợi và lòng yêu thương, nhưng trong một thị trường kinh tế phức tạp, nơi các cá nhân rời bỏ những người bạn thân nhất của họ và gia đình, tự lợi trở thành động lực mạnh hơn. Theo cách giải thích của Ronald Coase thì “lợi ích lớn nhất của thị trường là có thể sử dụng sức mạnh của sự tự lợi để bù đắp những điểm yếu và tính thiên vị của lòng nhân đạo, do vậy những người vô danh, không lời cuốn và không có quyền thế có thể có được những thứ họ muốn” (Coase 1976, 544).

Độc quyền làm tổn hại hệ thống thị trường như thế nào?

Smith cho rằng sự cạnh tranh là tuyệt đối cần thiết để biến sự tự lợi thành tình thương trong một xã hội tự điều chỉnh. Ông ưa thích một sự rẻ hơn về “giá cả tự nhiên, hoặc giá cả của tự do cạnh tranh” hơn là giá cả cao do sự độc quyền và “sự ưu tiên tuyệt đối” được cấp cho các

tập đoàn và các công ty thương mại (ví dụ như công ty Đông Ấn). Smith đã kịch liệt phản đối sự “tham lam bủn xỉn” và “đạo đức xấu xa của độc quyền” (428) đối với những doanh nhân quen với đặc quyền. Cạnh tranh có nghĩa là giá cả rẻ hơn và nhiều tiền để mua những hàng hoá khác, và có nghĩa là tạo ra nhiều việc làm và có mức sống tốt hơn. Theo Smith, quyền lực độc quyền tạo ra một xã hội chính trị được thiết kế bởi sự hư danh, xu nịnh và sự giả dối (Muller 1993, 135). Độc quyền tạo điều kiện thuận lợi cho việc có lợi nhuận nhanh, dễ dàng và tiêu dùng lãng phí (Smith 1965 [1776], 578).

Trong khi dành sự tin tưởng vào thị trường, nhưng Smith lại không có thiện cảm đối với thương gia và nhóm lợi ích cá biệt. Trong một đoạn trích nổi tiếng của mình, ông đã giải thích “Những người cùng buôn bán hiếm khi được gặp nhau ngay cả lúc vui chơi giải trí, nhưng cuộc ngã giá lại được kết thúc trong sự thông đồng một cách thâm lặng chống lại xã hội, hoặc cùng nhau sử dụng các thủ đoạn để nâng giá” (128). Mục đích của ông là thuyết phục những nhà lập pháp chống lại những sự ủng hộ đối với việc tăng thêm quyền lợi cho các thương lái mà thay vào đó là hành động vì lợi ích chung.

Những cập nhật đối với học thuyết của Adam Smith

Mô hình của Adam Smith đã đưa ra hai giả thiết: trước hết, trong hệ thống tự do tự nhiên của ông sẽ dẫn đến mức sống cao hơn; và thứ hai, các tác động của tự do kinh tế sẽ đem lại ích lợi như nhau cho cả người giàu và người nghèo. Kể từ khi Smith viết cuốn sách của mình, đã nhà kinh tế nào khẳng định hay bác bỏ những định đề này chưa? Chúng ta cùng kiểm nghiệm từng giả thiết một.

Cập nhật 01: Tự do kinh tế sẽ giàu có hơn

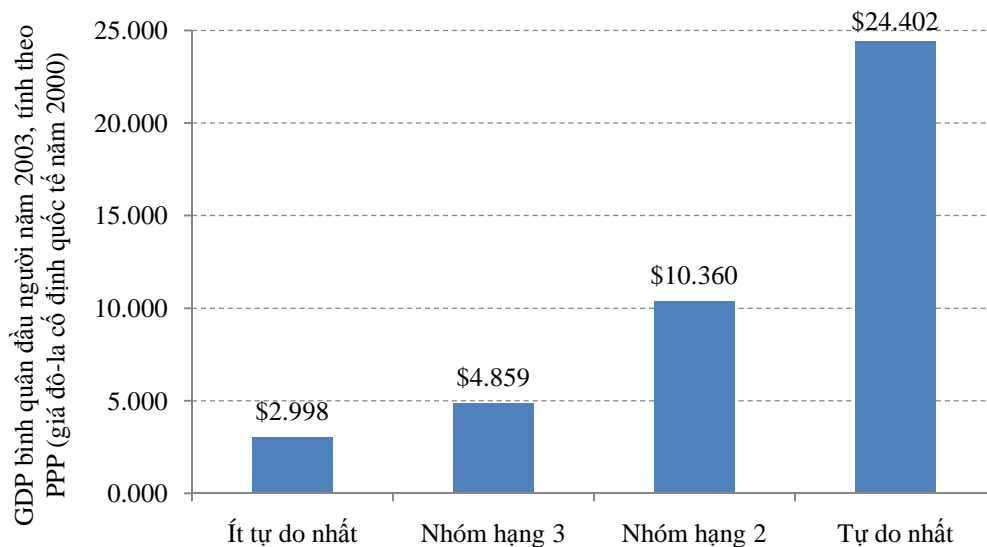
Trước hết, tự do kinh tế có dẫn tới mức sống cao hơn không? Nếu Smith còn sống đến ngày nay, ông sẽ không nghi ngờ gì tin tưởng vào một chế độ tư bản chủ nghĩa tự do và dân chủ với việc tăng nhanh lan rộng trong mức sống. Trong một nghiên cứu kỹ lưỡng do James Gwartney, Robert A. Lawson và Walter Block xuất bản năm 1996 và được cập nhật thường niên bởi Gwartney và Lawson (xem 2004) dường như đã khẳng định quan điểm của Smith về sự tự do kinh tế và thịnh vượng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Các tác giả đã xây dựng chi tiết một hệ số đo lường sự tự do kinh tế của hơn 100 quốc gia, dựa trên 5 tiêu chí (quy mô chính phủ, quyền sở hữu và cấu trúc hợp pháp, tiền sạch, thương mại, và các điều luật). Sau đó họ so sánh từng mức độ tự do của các nước với tốc độ tăng trưởng của chính các nước đó, dựa trên thu nhập bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương. Kết luận của họ được minh chứng bằng hình minh hoạ đáng chú ý trong Hình 1.2.

Theo nghiên cứu này, mức độ tự do lớn hơn về kinh tế thì đạt được mức sống cao hơn, được đo lường bởi tổng thu nhập quốc dân (GDP) đầu người tính theo sức mua tương

đương. Các quốc gia có mức độ tự do kinh tế lớn nhất (như Hoa Kỳ, New Zealand, Hong Kong) đã tăng trưởng nhanh hơn các quốc gia có mức độ hài hoà (như Vương quốc Anh, Canada, Đức) và cao hơn rất nhiều so với các quốc gia có rất ít sự tự do về kinh tế (như Venezuela, Iran, Congo). Các tác giả kết luận “Các quốc gia có nhiều sự tự do kinh tế thu hút nhiều đầu tư và có năng suất cao hơn từ các nguồn lực của họ. Như là một kết quả, họ tăng trưởng nhanh hơn và đạt được mức thu nhập cao hơn”.

Còn về những quốc gia đã thay đổi chính sách của họ? Gwartney và Lawson nhận định rằng “các quốc gia đình trệ khi thể chế của họ kiểm chế thương mại và làm xói mòn các khuyến khích tham gia các hoạt động sản xuất... Các quốc gia với xuất phát điểm thấp về thu nhập, đặc biệt, có khả năng tăng nhanh chóng và leo lên mức thang thu nhập mới khi chính sách của họ khuyến khích sự tự do kinh tế” (2004, 38).

Hình 1.2. **Mối quan hệ giữa tự do kinh tế và GDP bình quân người, 2005**



Chỉ số tứ phân vị EFW

Các quốc gia có tự do kinh tế hơn có thu nhập bình quân đầu người vượt trội

Nguồn: Viện Fraser, Vancouver, B.C.

Cập nhật 02: Lợi ích của người nghèo từ chủ nghĩa tư bản

Thứ hai, Smith đã tranh luận rằng cả người giàu và người nghèo đều được hưởng lợi từ hệ thống kinh tế tự do. Ông tuyên bố rằng “vạn vật của cải ... mở rộng tới những con người ở tầng lớp thấp nhất” (Smith 1965 [1776], 11). Những kết quả thống kê hiện tại của Stanley Lebergott và Michael Cox đã khẳng định quan điểm của Smith và phản bác các chỉ trích nói chung rằng trong thị trường tự do người giàu giàu hơn và người nghèo nghèo hơn. Người

nghèo cũng có được sự giàu có, theo nghiên cứu gần đây của Lebergott (1976) và Cox và Alm (1999).

Bảng 1.1 Mức sống ở Hoa Kỳ, 1900-70

Tỷ lệ % số hộ có:	Trong tổng số hộ năm 1900 (%)	Trong tổng số hộ năm 1970 (%)
Nhà vệ sinh có xả nước	15	99
Nước máy [chảy]	24	92
Hệ thống sưởi ấm	1	58
Một (hoặc ít hơn) người sử dụng trên phòng [(1 hoặc một vài) chiếc một phòng]	48	96
Điện	3	99
Tủ lạnh	16	99
Xe	1	41

Nguồn: Lebergott (1976, 8). Được in dưới sự cho phép của NXB Đại học Princeton

Stanley Lebergott, giáo sư danh dự Đại học Wesleyan, đã nghiên cứu các thị trường người tiêu dùng cá nhân về lương thực, quần áo, nhà cửa, nhiên liệu, thiết bị gia đình, vận tải, y tế, giải trí và tôn giáo. Ví dụ, ông đã phát triển thống kê được trình bày trong hình 1.1 để minh chứng sự cải thiện về mức sống từ năm 1900 đến 1970.

Như bảng của Lebergott đã minh họa, mức sống đã tăng lên nhanh chóng đối với mọi tầng lớp, kể cả tầng lớp đáy, trong thế kỷ 20. Ông đã khẳng định lời phát biểu của Andrew Carnegie: “Chủ nghĩa tư bản biến hàng hoá xa xỉ thành hàng hoá phổ thông”. Thông qua các nỗ lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, công nhân, và nhà tư bản, mọi người tiêu dùng Mỹ có thể thay đổi một thế giới bất ổn và bạo lực sang một thế giới dễ chịu hơn để sống và làm việc. Trong một ngôi nhà điển hình năm 1900 không có lò sưởi, điện, tủ lạnh, hồ xí xả nước, hay thậm chí là nước máy. Ngày nay đại bộ phận dân nghèo Mỹ đã được hưởng lợi ích từ những hàng hoá và dịch vụ này.

Một nghiên cứu khác gần đây của Michael Cox, nhà kinh tế tại Ngân hàng dự trữ liên bang tại Dallas, và Richard Alm, một nhà báo kinh tế cho tờ *Tin tức Buổi sáng Dallas* (Dallas Morning News), kết luận rằng giá cả thực tế của nhà đất, lương thực, nhiên liệu, điện, điện thoại, thiết bị nội thất, quần áo và các hàng hoá thông thường khác đang giảm nhanh chóng trong thế kỷ 20. Những nhà nghiên cứu này cũng đã chứng minh rằng người nghèo ở Mỹ đã dần dần cải thiện đời sống kinh tế của họ. Nhiều người nghèo đã sở hữu được nhà, ô tô, và các hàng hoá tiêu dùng khác hơn trước rất nhiều, và tỉ lệ cũng có ở những hộ gia đình nghèo nhất (Cox và Alm 1999).

Cuối cùng, Gwartney và Lawson đã làm các nghiên cứu minh chứng rằng 10% số người nghèo nhất trên thế giới có thể kiếm được nhiều thu nhập hơn ở những nước họ sống có thể chế kinh tế tự do hơn (2004, 23). Tự do kinh tế cũng làm giảm tỷ lệ chết trẻ em, tình

trạng lao động trẻ em, chợ đen và công chức tham nhũng, trong khi làm tăng trình độ học vấn, tuổi thọ và tự do công dân (2004,22-26).

Smith thích một chính phủ mạnh nhưng có giới hạn

Là người đề xướng phong trào khai sáng Scotland và ưu điểm của tự do tự nhiên, Adam Smith là người tin tưởng vào một chính phủ chi li nhưng mạnh mẽ. Ông đã viết về ba mục đích của chính phủ: “Cần có một chút gì đó để đưa nhà nước đến đỉnh cao sự phồn thịnh từ tình trạng man rợ thấp nhất, nhưng hoà bình, thuế dễ dàng, và một luật pháp cai trị khoan dung” (trong Danhart 1974, 218). Cụ thể hơn, Smith đã ủng hộ (1) sự cần thiết một lực lượng quân sự có nguồn lực tài chính mạnh để bảo vệ đất nước; (2) một hệ thống lập pháp bảo vệ quyền sở hữu và tự do, và đảm bảo tính hiệu lực hợp đồng và trả nợ; (3) nhiệm vụ công cộng – đường xá, kênh đào, cầu, cảng, và các dự án hạ tầng khác; và (4) giáo dục công phổ thông nhằm chống lại các tác động tha hóa và làm giảm tinh thần chuyên môn hóa (phân công lao động) theo chủ nghĩa tư bản (Smith 1965 [1776], 734-35).

Nhìn chung, giáo sư người Scotland đã ưa thích mức độ tự do tối đa của cá nhân trong xã hội, bao gồm cả sự đa dạng về giải trí – kéo dài cho đến khi “không có xì-căng-đan hay khiếm nhã” (748). Smith không phải là nhà tự do thuần khiết.

Smith cảnh báo mối nguy hại về một chính phủ công kênh

Đồng thời, ông là một nhà chỉ trích sâu sắc đối với quyền hành của nhà nước. Theo Smith, những người làm chính trị thường là những kẻ đạo đức giả và tiêu xài hoang phí. Một số đoạn trích trong *Cửa cải của các quốc gia* có thể được sử dụng cho việc tranh luận chính trị ngày nay:

Không có một nghệ thuật nào được chính phủ này học nhanh hơn từ chính phủ khác bằng việc móc tiền từ túi của người dân. (813)

Chính vì vậy, sự hỗn xược và ngạo mạn nhất của các vị vua và các quan lại là tìm mọi cách theo dõi, kiểm soát kinh tế tư nhân, hạn chế và điều chỉnh việc chi tiêu của họ hoặc ngăn cấm nhập khẩu hàng hóa xa xỉ từ nước ngoài. Họ luôn là như vậy và không có ngoại lệ, chính là những kẻ hoang phí nhất trong xã hội. Họ hãy quan tâm đến các tiêu dùng của chính mình và để cho các cá nhân tự lo với chi tiêu của họ. Nếu sự hoang phí trong tiêu dùng của họ không phá hủy nhà nước thì chắc chắn những chi tiêu của người dân cũng vậy.

Các quốc gia vĩ đại không bị suy kiệt bởi tư nhân mặc dù đôi khi họ lãng phí và có hành vi sai trái. Toàn bộ hoặc hầu như doanh thu công trong hầu hết các quốc gia được trả lương cho những người không tham gia sản xuất. Đó là những kẻ thuộc biên chế trong một hệ thống to lớn và rộng khắp các tòa án, trong một tổ chức giáo hội khổng lồ, trong các hạm đội và tổ chức quân sự hùng mạnh, những kẻ không làm gì trong

thời bình và không kiếm được gì trong thời chiến để có thể bù đắp được các chi phí duy trì hoạt động, ngay cả khi chiến tranh kéo dài. Những kẻ đó, chính họ không sản xuất gì lại được nuôi dưỡng bởi sự sản xuất của bao người lao động khác.

Smith đã biện hộ sự cân bằng ngân sách và phản đối khoản nợ công lớn. Ông ủng hộ tư nhân hoá, bán các vùng đất hoàng gia như là một cách nâng doanh thu và nuôi dưỡng tài sản. Ông ưa thích một chính phủ tối thiểu can thiệp vào đời sống người dân và các hoạt động kinh tế. Smith tranh luận rằng chiến tranh là không cần thiết và là suy nghĩ thiển cận trong hầu hết các trường hợp, và kết thúc chiến tranh sẽ không gây ra tình trạng thất nghiệp nhiều.

Smith đã kêu lên như thể ông bị kiểm toán bởi các nhân viên hải quan khi ông thể hiện sự thông cảm với người nộp thuế “liên tục khổ sở bởi các chuyến thăm gây bực mình và phiền nhiễu của những người thu thuế” (880). Sau khi chỉ trích nặng nề sự phức tạp và thiếu công bằng của hệ thống thuế, ông cho rằng thuế phải được cắt giảm ở mọi nơi, mặc dù ông ưa thích các luật vay nặng lãi cứng rắn và thuế lũy tiến.

Có thể lời phát biểu sau đây của Smith được trích từ *Lý thuyết Tình cảm đạo đức*, lời hùng biện nguyên tắc chung về chủ nghĩa cá nhân và tự do, và sự nguy hiểm của chính phủ:

Người đàn ông trong hệ thống... dường như tưởng tượng rằng anh ta có thể sắp xếp các thành viên khác nhau của một xã hội rộng lớn một cách dễ dàng như việc sắp xếp các miếng ghép khác nhau trên một bàn cờ. Anh ta không cần quan tâm rằng các miếng ghép này không có bất kỳ một nguyên tắc chuyển động nào khác ngoài tác động của bàn tay; nhưng trên một bàn cờ rộng lớn của xã hội loài người, từng miếng ghép lại có một nguyên tắc chuyển động riêng của nó, hoàn toàn khác với những gì mà cơ quan lập pháp có thể lựa chọn để tác động. Nếu hai nguyên tắc trùng nhau và hành động theo cùng một hướng, trò chơi của xã hội loài người sẽ được vận hành một cách dễ dàng và hài hòa, và sẽ có khả năng hạnh phúc và thành công. Nếu chúng trái chiều hoặc khác nhau, trò chơi sẽ được đi một cách thảm hại, và xã hội chắc hẳn lúc nào cũng ở trong sự hỗn loạn cao nhất. (Smith 1982 [1759], 233-34).

Smith ủng hộ “tiền sạch” và bản vị vàng

Smith cũng đã lo lắng về sự thao túng của chính phủ đối với hệ thống tiền tệ. Trong khi bác bỏ ý kiến rằng vàng và bạc là duy nhất tạo nên của cải quốc gia, ông ưa thích một hệ thống tiền tệ ổn định dựa trên các kim loại quý hiếm, và ủng hộ học thuyết về tự do ngân hàng. Ông cũng bác bỏ sự thông dụng “lý thuyết số lượng tiền tệ”, được cho rằng mức giá cả tăng hoặc giảm theo tỷ lệ thay đổi của cung tiền. Trong cuốn “Sự lạc đề về bạc” (*The Digression on Silver*) Smith đã chứng minh rằng giá cả thay đổi đáng kể khi cung bạc (tiền) tăng (1965 [1776], 240).

Bản chất của mô hình kinh tế cổ điển

Tổng kết lại, mô hình kinh tế cổ điển của Adam Smith và sự ủng hộ bởi những học trò của ông được tựu chung lại trong 4 điểm chính sau:

- 1 Tiết kiệm, chăm chỉ, tự lợi đã được khai sáng, và tình yêu thương đưa đến công dân bạn hữu là chính đáng và nên được khuyến khích.
- 2 Chính phủ nên hạn chế các hành vi của mình trong lập pháp, hiệu lực hoá quyền sở hữu cá nhân, tham gia vào một số công việc công nhất định và bảo vệ quốc gia trước các hành vi gây hấn.
- 3 Nhà nước nên thông qua chính sách chung về tự lợi không can thiệp vào sự vụ kinh tế (tự do thương mại, thuế thấp, hành chính tối thiểu, v.v.)
- 4 Các bản vị vàng/bạc hạn chế nhà nước khỏi sự mất giá của đồng tiền và cung cấp một chế độ tiền tệ ổn định, từ đó nền kinh tế trở nên thịnh vượng.

Như chúng ta thấy, mô hình cổ điển của Adam Smith đã được lật đi lật lại bởi những người ủng hộ và phản đối.

Adam Smith và Kỷ nguyên các nhà kinh tế

Adam Smith không phải là hoàn hảo ở mọi khía cạnh. Ông đã chỉ dẫn David Ricardo và Thomas Malthus đi nhầm đường về học thuyết giá trị lao động, sự chỉ trích về chủ đất, sự phân biệt kỳ giữa lao động “có năng suất” và “không có năng suất” và sự thất bại của ông trong việc nhận biết các nguyên tắc cơ bản về lợi ích cận biên của các chủ thể trong học thuyết giá. Nhưng đó chỉ là sự lạc đường đầu đó bị thổi phồng lên bởi các nhà kinh tế học cổ điển và làm mờ đi sự đóng góp vô cùng to lớn của ông đối với ngành kinh tế học.

Adam Smith xứng đáng được hoan nghênh vì sự bảo vệ quyết liệt về thương mại tự do và thị trường tự do, học thuyết trung tâm của ông về “tự do tự nhiên”, và cơ chế tự điều chỉnh của hệ thống doanh nghiệp tự do cạnh tranh và chính phủ bị giới hạn. Sự hùng biện của ông về tự do kinh tế đã giúp thế giới thoát khỏi tư tưởng trọng thương cục bộ và sự can thiệp thô bạo của nhà nước. Không có sự khởi xướng dẫn đường của ông, Cách mạng Công nghiệp có thể đã bị trì hoãn sang một thế kỷ khác hoặc thậm chí xa hơn nữa.

Nhà lạc quan vĩ đại

Adam Smith, con đẻ của trường phái Khai sáng Scotland, đứng trên mọi nhà lạc quan về tương lai của thế giới. Sự tập trung chủ yếu của ông thông qua kiệt tác kinh tế vĩ đại nhất là sự “cải thiện” của cá nhân thông qua “tiết kiệm và hành vi đúng đắn”, tiết kiệm và đầu tư, trao đổi và sự phân công lao động, giáo dục, tích lũy vốn và công nghệ mới. Ông quan tâm

việc gia tăng của cải hơn là chia nhỏ nó (trái ngược hoàn toàn với môn đồ David Ricardo). Theo Adam Smith, ngay cả một chính phủ đầy quyền lực và khắc nghiệt không thể ngăn cản sự tiến bộ:

“Những nỗ lực đều đặn, liên tục và không ngừng của từng người dân để nâng cao mức sống của mình... phải thường xuyên đủ mạnh để thúc đẩy mọi việc tiến triển tới sự phồn vinh chung, vượt qua sự lãng phí của chính phủ cũng như những sai phạm lớn nhất của chính quyền” (1965 [1776], 326, cf. 508).

Adam Smith tạo ra sự quan tâm đặc biệt

Trong thời kỳ cách mạng Hoa Kỳ, Adam Smith được tiếp xúc với một công dân, là người đã cảnh báo sự thất bại của nước Anh tại Saratoga vào năm 1777. “Quốc gia sẽ bị huỷ hoại”, người công dân đó tuyên bố với giọng nói đau xót. Sau đó, Smith, ở độ tuổi hơn 50, trả lời một cách bình thản “Hãy yên tâm, người bạn trẻ của tôi, có quá nhiều sự mục nát trong một quốc gia” (Rae 1895, 343; Ross 1995, 327). Sự tuyên bố của Smith thường xuyên được Milton Friedman, Gary Becker, và các nhà kinh tế học khác trích dẫn khi phản ứng lại với những người bi quan về kinh tế. Nó cho thấy rằng một quốc gia đã được phát triển dần dần từ những thứ như của cải nhiều, các thể chế, và sự thiện chí qua hàng thế kỷ đã có thể phải trải qua nhiều hơn một cuộc chiến tranh lớn hay các thảm họa tự nhiên.

Adam Smith đã hoàn thành kiếp sống của mình và ông thường thức với những từ ngữ của người soạn thánh ca “Hỡi linh hồn ta, hãy trở về nơi nghỉ ngơi; vì Đức Giê-hô-va đã hậu đãi người” (Thánh ca 116:7).

Phụ lục: Những nhà tư tưởng trước Adam

Adam Smith đã không tạo ra kinh tế học hiện đại từ một khoảng trống như cách mà Athena vụt đứng dậy và được trang bị áo giáp từ trán của thần Zeus. Thay vào đó, Smith chịu ảnh hưởng của nhiều nhà tư tưởng kinh tế, được bắt đầu từ các nhà triết học Hy Lạp cổ đại.

Plato và Aristotle

Là một sản phẩm của trường phái khai sáng Scotland, Smith có lẽ đã tìm được một vài điểm thú vị trong cuốn *Cộng hoà* của Plato ủng hộ tư tưởng chính quyền đô thị được cai trị bởi hội đồng hiền triết – vua. Ông nghiên cứu Aristotle nhiều hơn, bởi vì sự ủng hộ của Aristotle đối với sở hữu cá nhân và sự chỉ trích của ông đối với chế độ cộng sản của Plato. Sở hữu cá nhân, theo như Aristotle, sẽ đưa mọi người có cơ hội được trải nghiệm giá trị đích thực về tình yêu thương và sự bác ái, là toàn bộ “điều kiện vàng” và “cuộc sống tốt” của tư tưởng Aristotle. Nhưng Adam Smith đã không lấy một phần nào sự khinh miệt của Aristotle đối với việc làm ra tiền và sự lãng mạ thương mại sinh lãi và bán lẻ như một hành vi phi đạo đức

và “trái tự nhiên”, một tư tưởng mà về sau được những nhà văn thuộc đạo Ki-tô trong thời kỳ Trung cổ ủng hộ.

Tin lành, Cơ đốc và Kinh viện Tây Ban Nha

Adam Smith chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi học thuyết Calvin ưa thích sự tiết kiệm và làm việc chăm chỉ trong khi chỉ trích sự xa hoa, cho vay nặng lãi và lao động “không có năng suất”. Đạo cơ đốc và Tin lành giống nhau cùng tranh luận cái tạo thành “giá đúng” trong nền kinh tế thị trường. Kinh viện Tây Ban Nha trong thế kỷ 16 cho rằng “giá đúng” không gì hơn là giá trung bình của thị trường, và họ ủng hộ tư tưởng tự do kinh tế (*laissez-faire*) (Rothbard 1995a, 97-133). Như sau này Montesquieu đã viết “sự cạnh tranh tạo ra giá đúng của hàng hoá và thiết lập mối quan hệ thực sự giữa chúng” (Montesquieu 1989 [1748], 344).

Trong nhiều cách, Adam Smith đã hướng đến việc thay thuyết Cơ đốc Hy Lạp phản vật chất của Tây Âu vốn dĩ chống lại sự tăng trưởng kinh tế và tự do bằng một hệ thống được kết hợp giữa lối sống đạo đức và mưu cầu chính đáng về vật chất (Fitzgibbons 1995, v, 16).

Bernard Mandeville và *Truyện ngụ ngôn của bầy ong*

Một số nhà kinh tế cho rằng Adam Smith phát triển khái niệm “bàn tay vô hình” từ cuốn sách đầy tai tiếng *Truyện ngụ ngôn của bầy ong* (1997 [1714]) do Bernard Mandeville (1670 – 1773), bác sỹ tâm thần và là người viết các truyện ngắn. Trong bản đầu tiên, Mandeville đã kể câu chuyện về sự phát triển mạnh mẽ “tổ ong cần nhần” được biến thành “trung thực” và nhanh chóng trở thành nghèo đói và sụp đổ sau khi được chuyển sang một cộng đồng đạo đức. Trong lần xuất bản lần thứ hai, Mandeville miêu tả một xã hội thịnh vượng mà ở đó các công dân từ bỏ thói quen tiêu dùng xa hoa và vũ khí quân sự. Kết quả là một sự khủng hoảng và sụp đổ trong thương mại và kinh doanh nhà ở. Kết luận của ông là lòng tham, háms lợi và xa hoa của cá nhân dẫn đến một lợi ích công cộng với sự thừa thãi về của cải, và “một khi cái ác ngừng lại thì xã hội nếu không bị hoàn toàn tan rã thì cũng sẽ bị thiệt hại nặng nề”. Rõ ràng rằng, với nghịch lý của Mandeville, tự lợi đem lại ích lợi cho xã hội.

Cả Friedrich Hayek và John Maynard Keynes đã viết ủng hộ truyện ngụ ngôn của Mandeville. Theo Hayek, Adam Smith đã đạt được sự hiểu thấu về phân công lao động, tự lợi, tự do kinh tế, và tư tưởng của kết quả không lường trước được từ Mandeville (Hayek 1984, 184-85). Keynes đã đồng tình với tư tưởng không tiết kiệm từ Mandeville và áp lực thống kê đảm bảo sự toàn dụng lao động trong xã hội (Keynes 1973a [1936], 358-61).

Tuy nhiên, rõ ràng trong *Lý thuyết Tình cảm Đạo đức*, Smith đã không đồng tình với Mandeville. Gọi cuốn sách đó là “hoàn toàn độc hại” và lý thuyết “thoái hoá”, Smith đã không đồng tình rằng tiến bộ kinh tế đạt được thông qua lòng tham, kiêu căng, tự yêu chính mình vô hạn, và than phiền mà Mandeville dường như không có sự phân biệt giữa cái xấu và cái tốt (Smith 1982 [1759], 308-10).

Montesquieu và *Doux Commerce*

Thái độ của Smith về tự lợi là tích cực từ ảnh hưởng của nhà luật học vĩ đại người Pháp và nhà triết học Charles de Secondat Montesquieu (1689 – 1755). Cuốn sách *Tinh thần pháp luật* của ông lần đầu xuất bản năm 1748 đã khuyến khích James Madison và Alexander Hamilton tiến tới hiến pháp chia sẻ quyền lực, một khái niệm được Smith ủng hộ. Montesquieu, người viết trước Cuộc Cách mạng công nghiệp, đã thấy nhiều điểm ích lợi trong *thương mại ngọt ngào* (*Doux Commerce*). Ông bộc lộ quan điểm mới lạ rằng mục đích kiếm lời và lợi ích thương mại như là một sự kiềm chế chống lại sự đam mê bạo lực chiến tranh và lạm dụng quyền lực chính trị. “Thương mại khắc phục những định kiến sai lệch”, Montesquieu tuyên bố, “nó đánh bóng và làm dịu đi các tục lệ dã man... Tác động tự nhiên của thương mại dẫn đến hoà bình” (1989, 338). Theo Montesquieu, ngài James Steuart và các nhà triết học khác trong thời đại, hình ảnh của thương lái và những người kiếm tiền là những người hoà bình, vô tư và ngây thơ tương phản rõ nét với “quân đội cướp bóc và những tên cướp biển giết người của thời đại” (Hirschman 1997, 63). Thương mại cải thiện mệnh lệnh chính trị: “Tinh thần của thương mại mang kèm với nó là tinh thần của sự tiết kiệm, của tính kinh tế, sự hài hoà, công việc, thông thái, thanh bình, trật tự, và cân đối” (Hirschman 1997, 71).¹¹ Như đã nêu ở trong chương này, Smith đã ủng hộ quan điểm tiến bộ này về xã hội thương mại.

Trong xuất bản tiếng Pháp của *Lý thuyết chung*, John Maynard Keynes đánh giá Montesquieu là nhà kinh tế Pháp vĩ đại nhất bởi nguyên nhân chủ yếu từ sự phát triển mạnh mẽ lý thuyết lãi suất ưa thích thanh khoản, sự phản đối tích trữ, và sự ủng hộ của Montesquieu đối với việc chi tiêu nhiều tiền để duy trì và thúc đẩy phúc lợi. Tuy nhiên, không giống Keynes, Montesquieu là nhà ủng hộ nhiệt thành học thuyết tự do kinh tế. Ông ghê tởm chế độ độc tài và bác bỏ mọi hình thức kế hoạch hoá tập trung, mà theo cách ông nói là cướp đi động lực tự nhiên của xã hội. Ông đã bảo vệ tự do thương mại như truyền bá văn minh, giáo hoá, và hợp tác giữa các quốc gia. Như Adam Smith, ông nhận ra rằng hàng hoá và dịch vụ là của cải thực sự của một quốc gia chứ không phải là các kim loại quý. Ông phản đối coi lạm phát tiền tệ cao như là một sự nguy hại khi lấy trường hợp Tây Ban Nha làm ví dụ. Trước khi những người thuộc phái Trọng nông phổ biến học thuyết sai lầm khi cho rằng nông nghiệp là nguồn gốc duy nhất của của cải, Montesquieu đã chỉ ra rằng công nghiệp và thương mại đóng vai trò quan trọng tương đương trong nguồn gốc thịnh vượng. Tinh thần kinh doanh và tiết kiệm là những thành tố quan trọng trong tăng trưởng kinh tế. Và, không giống như Malthus, Montesquieu coi trọng phát triển nhanh và nhiều dân số.

¹¹ Hình ảnh phù hợp về chủ nghĩa tư bản Montesquieu phản ánh trong những dòng nổi tiếng của Tiến sỹ Samuel Johnson, “Có một vài cách mà người đàn ông có thể bị tuyền dụng một cách ngây thơ hơn trong việc kiếm tiền” (Boswell 1933, I, 657). John Maynard Keynes đã viết, “sẽ thật tốt hơn khi một người đàn ông nên cai trị một cách hung tàn trên số dư ngân hàng hơn là trên những đồng bào của anh ta” (Keynes 1973a [1936], 374). Ngày nay chúng ta có thể nói “thật tốt hơn nếu một người cai trị hung tàn trên đội bóng anh ta ưa thích (hoặc cổ phiếu ưa thích) hơn là đồng bào của anh ta”.

Bác sỹ Francois Quesnay với *Tableau Économique*

Nhà kinh tế học Trọng nông lớn nhất ở Pháp mà Adam Smith từng chỉ trích là bác sỹ phẫu thuật lỗi lạc Francois Quesnay (1694 – 1774) và là người từng có lần là bác sỹ riêng cho người tình mà Vua Louis XV sủng ái. Biểu đồ nổi tiếng của ông, *Biểu kinh tế* (tableau économique), được các nhà đương thời coi là một trong ba nhà phát minh kinh tế học vĩ đại nhất, sau chữ viết và tiền (Smith 1965 [1776], 643).

Biểu đồ zíc-zắc của Quesnay được xuất bản lần đầu năm 1758, đã tạo nên mối quan tâm đặc biệt cũng như sự tranh luận trong nhiều năm. Nó được coi là mô hình đầu tiên của một nhánh phát triển trong kinh tế học hiện đại: kinh tế lượng. Số nhân của Keynes, phân tích vào-ra, biểu đồ dòng vòng tròn, và mô hình cân bằng tổng quát Walras. Nó thực sự là một quan điểm “vĩ mô” của nền kinh tế, không quan tâm đến giá, nhưng không ai chắc về ý nghĩa thực sự của nó. Là một người phát ngôn chính thức cho trường phái Trọng nông, Quesnay ủng hộ niềm tin sai lầm rằng chỉ có nông nghiệp là ngành chi tiêu “có năng suất” và ngành công nghiệp là “không sinh lời”.

Chịu ảnh hưởng của Quesnay, *Của cải của các quốc gia* đã nhận định rằng bác sỹ Quesnay là một “tác giả thiên tài và uyên thâm”, là người thúc đẩy khẩu hiệu thân thuộc “*laissez faire, laissez passer*” (tự do làm, tự do qua), một cụm từ mà Smith ủng hộ bằng cả trái tim dù ông tự bản thân mình không nhắc đến hệ thống của mình là kinh tế học *laissez faire*. (Ông ưa thích “tự do tự nhiên” hoặc “tự do hoàn hảo”). Là một người đứng đầu trường phái Trọng nông, Quesnay phản đối trường phái Trọng thương Pháp, chế độ bảo hộ và chính sách can thiệp của nhà nước. Tuy nhiên, *Của cải của các quốc gia* đã phủ nhận lập luận cơ bản của phái Trọng nông rằng nông nghiệp, chứ không phải sản xuất và thương mại, là nguồn gốc của mọi sự giàu có (1965 [1776], 637-52).

Richard Cantillon

Một vài trong số những người có ảnh hưởng mạnh đến nhà kinh tế người Scotland là Richard Cantillon, Jacques Turgot và Etienne Bonnet de Condillac. Richard Cantillon (1680-1734) được Muray Rothbard và một số nhà lịch sử kinh tế khác coi là “cha đẻ thực sự của kinh tế học hiện đại”.

Là một chủ ngân hàng thương mại và là nhà thám hiểm người Ai-len nhập cư đến Paris, Cantillon có liên quan đến vụ bong bóng Mississippi đầy hổ thẹn của John Law trong thời kỳ 1717-1720, nhưng đã khôn ngoan bán tất cả cổ phiếu trước khi cơn bão tài chính ảnh hưởng đến. Tính độc lập cho phép ông viết cuốn sách ngắn về kinh tế, *Bài luận về Bản chất của thương mại nói chung* (xuất bản sau khi ông mất vào năm 1755). Ông qua đời đầy bí ẩn tại London năm 1734, dường như bị giết chết bởi một người làm thuê và sau đó đã đốt nhà để phi tang.

Bài luận của Cantillon thực sự là cực kỳ ấn tượng và ảnh hưởng mạnh đến Adam Smith. Nó tập trung vào cơ chế tự vận hành của cung và cầu trên thị trường, vai trò của

doanh nghiệp (không thực sự nổi bật trong *Của cải của các quốc gia*), và một sự phân tích công phu “trước trường phái Áo” đối với lạm phát tiền tệ - làm thế nào lạm phát không những làm tăng giá mà còn thay đổi phương thức tiêu dùng.

Jacques Turgot

Jacques Turgot (1727-81) là một trong những người đứng đầu phái Trọng nông tại Pháp người có tác phẩm nghiên cứu sâu *Suy nghĩ về sự hình thành và phân phối của cải* (1766), cũng đã truyền cảm hứng cho Adam Smith. Là một người ủng hộ tự do thương mại và laissez-faire, Turgot là một bộ trưởng tài chính có năng lực dưới triều đại Louis XVI; ông đã xoá bỏ mọi phường hội theo kiểu thời Trung cổ, dỡ bỏ mọi rào cản thương mại về ngũ cốc, và duy trì một ngân sách cân bằng. Turgot thực hiện rất hiệu quả đến nỗi làm vua nổi giận và sa thải ông vào năm 1776.

Là một người của trường phái Trọng nông, Turgot bảo vệ quan điểm nông nghiệp là khu vực có năng suất nhất của nền kinh tế, nhưng ngoài ra, cuốn *Suy nghĩ* của ông thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về kinh tế học, thậm chí đã vượt Smith ở nhiều lĩnh vực. Tác phẩm để hiểu của ông đưa ra những hiểu biết sâu sắc về sự ưu tiên đối với thời gian, vốn và lãi suất, vai trò của doanh nghiệp tư bản trong nền kinh tế cạnh tranh. Ông thậm chí đã mô tả luật lợi ích giảm dần mà sau đó đã được Malthus và Ricardo phổ biến.

Condillac

Etienne Bonnot de Condillac (1714-80) là một nhà kinh tế học và cũng là một nhà triết học nổi tiếng người Pháp khác... Ông sống trong một Paris trí tuệ vào giữa những năm 1770 và trở thành người bảo vệ Turgot (đang giữ vị trí bộ trưởng tài chính) trong hoàn cảnh khó khăn khi ông này phải đối mặt vào năm 1775, vượt qua những cuộc biểu tình ngũ cốc. Giống như Turgot và Montesquieu, Condillac ủng hộ tự do thương mại. Tác phẩm quan trọng của ông *Thương mại và Chính phủ* được xuất bản năm 1776, chỉ một tháng trước *Của cải của các quốc gia*. Kinh tế học của Condillac là sự tiến bộ đáng kinh ngạc. Ông đã phát hiện ra rằng ngành công nghiệp là có năng suất, trao đổi thể hiện sự không ngang giá, cả hai bên đều có lợi từ thương mại và giá cả được quyết định bởi giá trị hữu dụng của nó chứ không phải là giá cả lao động (Macleod 1896).

David Hume

Nhà triết học vĩ đại David Hume (1711-76) là một người bạn thân thiết của Adam Smith và người có ảnh hưởng lớn đến một số tác phẩm của ông về thương mại và tiền tệ. Smith đã coi người bạn Scotland của mình như là “nhà lịch sử và triết học lừng lẫy nhất” trong thời đại mà ông sống (Fritzgibbons 1995, 9) và “gần đạt tới sự lý tưởng về một con người thông minh và có phẩm hạnh hoàn hảo, có lẽ chỉ có một vài nhược điểm rất đối tự nhiên của loài người và hoàn toàn có thể dễ dàng bỏ qua” (Smith 1947, 248). Hume đã phản đối sự khổ hạnh và ủng hộ một cuộc sống vật chất và xa hoa.

Cũng như Smith, Hume đã lên án những người theo trường phái Trọng thương đã hạn chế thương mại quốc tế. Bằng cách áp dụng cơ chế nổi tiếng “lưu thông vàng” (specie-flow) của ông, Hume đã chứng minh rằng những nỗ lực hạn chế nhập khẩu và tăng lượng tiền kim loại (kim loại quý) sẽ đem lại kết quả ngược lại với mong đợi. Sự hạn chế nhập khẩu sẽ làm tăng giá trong nước và do vậy làm giảm xuất khẩu, tăng nhập khẩu, và càng làm kim loại quý chảy ra bên ngoài.

Hume cũng đã bóc trần những nhà Trọng thương khi họ tuyên bố rằng có thêm nhiều tiền kim loại quý sẽ làm giảm lãi suất và thúc đẩy sự thịnh vượng. Hume đã có một lập luận kinh điển khi cho rằng lãi suất thực tế sẽ được quyết định bởi cung tiết kiệm và vốn, chứ không phải bởi cung tiền. Gắn chặt chẽ với lý thuyết số lượng tiền tệ, Hume đã nhận thấy rằng một sự mở rộng nhân tạo của cung tiền sẽ làm tăng giá cả.

Tình bạn thân thiết của Smith với Hume đã đem đến cho nhiều nhà nghiên cứu kết luận rằng ông đã ủng hộ hoàn toàn sự nổi loạn chống lại tôn giáo của Hume và xã hội thương mại thế tục. Họ cho rằng Chúa đã không được đề cập trong *Của cải của các quốc gia*. Tuy nhiên, như đã được đề cập ở trước đó, Smith đã không từ bỏ tôn giáo của mình. Trong cuốn *Lý thuyết Tình cảm Đạo đức*, ông đã hiệu đính lại sau khi xuất bản *Của cải của các quốc gia* nhiều trích dẫn về Chúa và tôn giáo.

Smith được công nhận rằng ông không phải là con chiên của Giáo hội Trưởng lão, là người phản đối chống lại hành vi khắc khổ giáo phái Calvin, nhưng ông vẫn là một tín đồ, một nhà thần luận theo niềm tin Stoic (khắc kỷ) rằng Chúa trời tạo ra thiên nhiên. Là một người lạc quan, Smith đã tin vào vị chúa của thế giới và mừng tượng ra có một thiên đường trên trái đất.

Benjamin Franklin

Nhà nghiên cứu tiểu sử John Rae và Ian Simpson Ross đã làm cho nhiều người tin vào câu chuyện rằng Benjamin Franklin (1706-90), cha đẻ của Hoa Kỳ đã có một tình bạn với Adam Smith và có một số ảnh hưởng nhất định tới việc ông viết cuốn *Của cải của các quốc gia*. John Rae đã chỉ ra làm thế nào mà Franklin đã thăm Smith ở Scotland và London nhờ một người bạn của Franklin. “Adam Smith khi đang viết cuốn *Của cải của các quốc gia* có thói quen đem hết chương này đến chương khác tới ông ấy [Franklin], Tiến sỹ Price và những nhà trí thức khác, sau đó lắng nghe một cách kiên nhẫn những nhận xét của họ và thu được nhiều ý kiến hay từ những cuộc thảo luận và sự phê bình, thỉnh thoảng nộp bản viết mới và thậm chí thay đổi hẳn một số ý kiến trước đó của mình” (Rae 1985, 264-65; cùng xem ở Ross, 255-56).

Trong các bài viết kinh tế, Franklin đã viết về lợi ích của tiết kiệm, tự do thương mại, và tăng dân số, những kịch bản được xuất hiện đậm nét trong *Của cải của các quốc gia*. (Tuy nhiên, tôi không chắc Smith có đồng ý với trường hợp của Franklin, được xuất bản năm 1728, đối với việc ủng hộ tăng tiền giấy để thúc đẩy thương mại tại Pennsylvania). Sự

chú thích đặc biệt của Smith về *Bản tuyên ngôn độc lập Hoa Kỳ* có thể là do ảnh hưởng của Franklin (Smith 1965 [1776], 557-606).

GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

Mục đích

Nghiencuuquocte.net là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quang đại độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đảm ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.

- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: nghiencuuquocte@gmail.com.

Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

Cộng tác với *Ngheencuuquocte.net*

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://ngheencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Ngheencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

Bản quyền bài dịch

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Ngheencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Ngheencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Ngheencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *ngheencuuquocte.net*

Việc đăng tải lại trên các trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *ngheencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *ngheencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *ngheencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

Miễn trừ trách nhiệm

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Ngheencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

Liên lạc

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: ngheencuuquocte@gmail.com.